

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thu Hoài

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**Đề tài: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ
TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG.**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Nguyễn Thu Hoài

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thu Hoài

Mã SV: 120016

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP xây dựng và thương mại Tam Long.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP xây dựng và thương mại Tam Long.
 - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP xây dựng và thương mại Tam Long, trên cơ sở đó đề xuất ra một số giải pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu năm 2011 của công ty CP xây dựng và thương mại Tam Long.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Thụ.**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn: **Khoá luận tốt nghiệp**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nguyễn Thu Hoài* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương I: Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Năm 2011). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I	
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2. Vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	4
1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.1.4. Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.1.4.1 Doanh thu và phân loại doanh thu	5
1.1.4.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	7
1.1.4.3. Chi phí và phân loại chi phí	8
1.1.4.4 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	9
1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	9
1.1.5.1. Bán hàng	9
1.1.5.2 Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp	10
1.1.6. Các phương thức thanh toán	11
1.2. NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NGHIỆP	12
1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	12
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	19

1.2.2 .Kế toán giá vốn hàng bán.....	23
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	29
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	29
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	31
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	33
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	33
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	35
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	37
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	37
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	39
1.2.5.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	41
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	41

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG	45
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG.....	45
2.1.1. Thông tin khái quát chung về công ty.....	45
2.1.2. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty	46
2.1.3.Chính sách chất lượng.....	48
2.1.4 Cơ cấu bộ máy quản lý.....	49
2.1.5.Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long	52
2.1.5.1.Tổ chức bộ máy kế toán	52
2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.....	53
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHU PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG	56

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.....	56
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại công ty	56
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long	57
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	72
2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.....	72
2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	72
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	81
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	88
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	88
2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	88
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	97

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG....

105

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long..	105
3.1.1. Về ưu điểm	105
3.1.1.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	105
3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	105
3.1.1.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin.....	107
3.1.2. Hạn chế.....	107
3.1.2.1. Về việc khai thác và sử dụng phần mềm kế toán.....	107
3.1.2.2. Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán	107
3.1.2.3. Về việc theo dõi kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng.....	108
3.1.2.4. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.....	109

3.1.2.5. Về việc trích lập các khoản dự phòng.....	109
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.....	109
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	109
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh	110
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long	111
KẾT LUẬN	127
TÀI LIỆU THAM KHẢO	128

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã và đang mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới đã mở ra những cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Việc này tạo ra cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường nhưng cũng lại đặt ra những thách thức đối với doanh nghiệp. Để tồn tại và ổn định được trên thị trường đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng vận động, nâng cao tính tự chủ, năng động để tìm ra phương thức kinh doanh có hiệu quả tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao để từ đó mới có đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu chất lượng phản ánh đích thực tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đã cố gắng tìm ra hướng kinh doanh để đem lại doanh thu cho doanh nghiệp thì việc sử dụng những chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải hợp lý và tiết kiệm để phản ánh đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, nó liên quan chặt chẽ đến chi phí bỏ ra và lợi nhuận đem lại. Như vậy việc xác định doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh đúng đắn sẽ giúp cho nhà lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh để từ đó đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận.

Xuất phát từ lý luận đồng thời kết hợp với thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long, được sự giúp đỡ của thầy giáo hướng dẫn Th.s Nguyễn Văn Thụ và các cán bộ nhân viên trong phòng tài chính kế toán của Công ty đã giúp em nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Do đó em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long”***.

Khóa luận tốt nghiệp gồm ba phần:

Chương I: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô chỉ bảo, tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1.Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đã đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cần phải nắm bắt thông tin, số liệu cần thiết và chính xác từ bộ phận kế toán giúp cho các nhà quản trị có cái nhìn chính xác về tình hình quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, có thể công khai tài chính thu hút nhà đầu tư.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy, việc xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu và nhược điểm, những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo.

+ Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra các quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

+ Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt các nhà đầu tư.

⇒ Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

1.1.2.Vai trò của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Vì vậy mà việc tập hợp chi phí, doanh thu xác định các chỉ tiêu lãi lỗ để phản ánh đúng đắn tình hình kinh doanh của doanh nghiệp là rất cần thiết. Xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để Ban giám đốc doanh nghiệp có sự phân tích, nhận xét đánh giá đúng về tình hình kinh doanh từ đó khắc phục những tồn tại phát huy ưu điểm và đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời, hợp lý và hiệu quả, là cơ sở để tìm kiếm các nguồn tạo ra doanh thu và cắt giảm chi phí không hiệu quả nhằm mục đích mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó thông qua việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đưa ra những báo cáo kế toán, cung cấp thông tin cho những nhà đầu tư giúp họ quyết định việc có nên hay không nên đầu tư vào doanh nghiệp, lựa chọn doanh nghiệp nào để đầu tư có lợi nhất.

Đối với Nhà nước thì việc xác định đúng chỉ tiêu lợi nhuận là căn cứ để doanh nghiệp thực hiện các khoản nộp nghĩa vụ cho Nhà nước như: Thuế, phí, lệ phí... Đây là nguồn thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước để thực hiện các khoản chi Ngân sách.

Tất cả những điều trên đã làm cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có vai trò rất quan trọng. Nó ảnh hưởng đến chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp, mặt khác việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải xác định và phản ánh đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn

1.1.4. Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4.1 Doanh thu và phân loại doanh thu.

❖ Doanh thu:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001- chuẩn mực số 14(doanh thu và thu nhập khác): Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba (Ví dụ: Nhận làm đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng) không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

Theo luật thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 có hiệu lực từ ngày 03/06/2008: Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, gia công, tiền cung ứng dịch vụ, trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng. Doanh thu được tính ra bằng đồng Việt Nam, trường hợp có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ.

⇒ Như vậy doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm tổng các lợi ích về kinh tế đã thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động của doanh nghiệp được tính bằng tiền Việt Nam.

❖ Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

- **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** phản ánh doanh thu của sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** : là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính

bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Thu nhập khác:** : Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

1.1.4.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.
- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.
- **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành như: hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách chủng loại.
- **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất như: Bia, rượu, thuốc lá, vàng mã, bài lá...
 - Thuế xuất khẩu: là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

1.1.4.3. Chi phí và phân loại chi phí.

❖ **Chi phí:** là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

❖ **Phân loại chi phí:**

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.
- **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm cả khoản chi phí lãi liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...
- **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện

hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...

▪ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

1.1.4.4 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

✚ **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

✚ **Lãi sau thuế:** Là phần còn lại sau khi loại trừ phần thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\text{Lãi sau thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

1.1.5.1. Bán hàng.

Bán hàng: Theo VAS 14 bán hàng là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào.

Bản chất của quá trình bán hàng:

Quá trình bán hàng là quá trình hoạt động kinh tế bao gồm hai mặt: Doanh nghiệp đem bán hàng hóa đồng thời đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền

người mua. Hàng hóa cung cấp nhằm để thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng và sản xuất của xã hội gọi là bán ra ngoài. Trường hợp, hàng hóa cung cấp giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty, được gọi là bán hàng trong nội bộ.

Quá trình bán hàng thực chất là quá trình trao đổi quyền sở hữu giữa người bán và người mua trên thị trường hoạt động.

Ý nghĩa công tác bán hàng

Công tác bán hàng có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó là công đoạn cuối cùng của giai đoạn tái sản xuất. Doanh nghiệp khi thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo ra điều kiện thu hồi vốn, bù đắp chi phí, thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước thông qua việc nộp thuế, đầu tư phát triển tiếp, nâng cao đời sống người lao động trong doanh nghiệp.

1.1.5.2 Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ **Bán buôn:** Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ **Bán lẻ:** Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phân người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.1.6. Các phương thức thanh toán.

Thực hiện nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa, vốn của doanh nghiệp chuyển từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ. Doanh nghiệp mất quyền sở hữu về hàng hóa nhưng lại được quyền sở hữu một lượng tiền tệ nhất định do bên mua chi trả. Việc thanh toán tiền hàng có thể tiến hành ngay hoặc trả chậm hoặc trả dần do hai bên tự thỏa thuận. Phương thức thanh toán thể hiện sự tín nhiệm lẫn nhau giữa hai bên mua và bán, đồng thời nó cũng gắn liền với sự vận động giữa hàng hóa với số tiền vốn, đảm bảo cho hai bên cùng có lợi.

Hiện nay, doanh nghiệp thường áp dụng hai phương thức thanh toán: thanh toán trực tiếp và thanh toán không trực tiếp.

Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt:

Đây là hình thức thanh toán mà người mua sau khi nhận được hàng hóa do bên bán cung cấp thì tiến hành thanh toán bằng tiền mặt thường được áp dụng với hàng hóa tiêu thụ trong nước, các bên có khoảng cách địa lý gần nhau. Đối với các mặt hàng bán với số lượng ít, bán lẻ, các khoản chi về vận chuyển...thường được thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Phương thức thanh toán qua ngân hàng:

Trong điều kiện nền kinh tế phát triển như hiện nay thì ngân hàng giữ vai trò quan trọng trong quan hệ thanh toán tiền hàng giữa người mua và người bán, các phương thức thanh toán qua ngân hàng cũng rất phong phú, việc lựa chọn phương thức nào là phụ thuộc vào điều kiện của mỗi bên và sự thỏa thuận giữa bên mua và bên bán. Các phương thức thanh toán qua ngân hàng gồm:

- Thanh toán bằng séc
- Thanh toán bằng ủy nhiệm chi
- Thanh toán bằng ủy nhiệm thu
- Thanh toán bằng thư tín dụng(L\C)
- Thanh toán bằng thẻ thanh toán
- Phương thức thanh toán bù trừ.

1.2. NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NGHIỆP.

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

✓ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại.

Các hàng hóa đem biếu, tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

Hiểu theo một nghĩa khác thì doanh thu bán hàng của doanh nghiệp là bao gồm toàn bộ số tiền đã thu được hoặc có quyền đòi về do việc bán hàng hóa trong một thời gian nhất định.

✓ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Doanh thu và chi phí liên quan tới cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

✓ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài

gián bán (nếu có);

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

✓ **Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

✚ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương

pháp khấu trừ)

- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

 **Tài khoản sử dụng:**

❖ TK 511 - " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

✓ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" có 6 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá*
- *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm*
- *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- *Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá*
- *Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*
- *Tài khoản 5118 - Doanh thu khác*

- Kết cấu của tài khoản 511:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp;

- Doanh thu hàng bán bị trả lại cuối kỳ;
- Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán kết chuyên cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ":**

✓ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá*

- *Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm*

- *Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*

✓ Kết cấu của TK 512

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

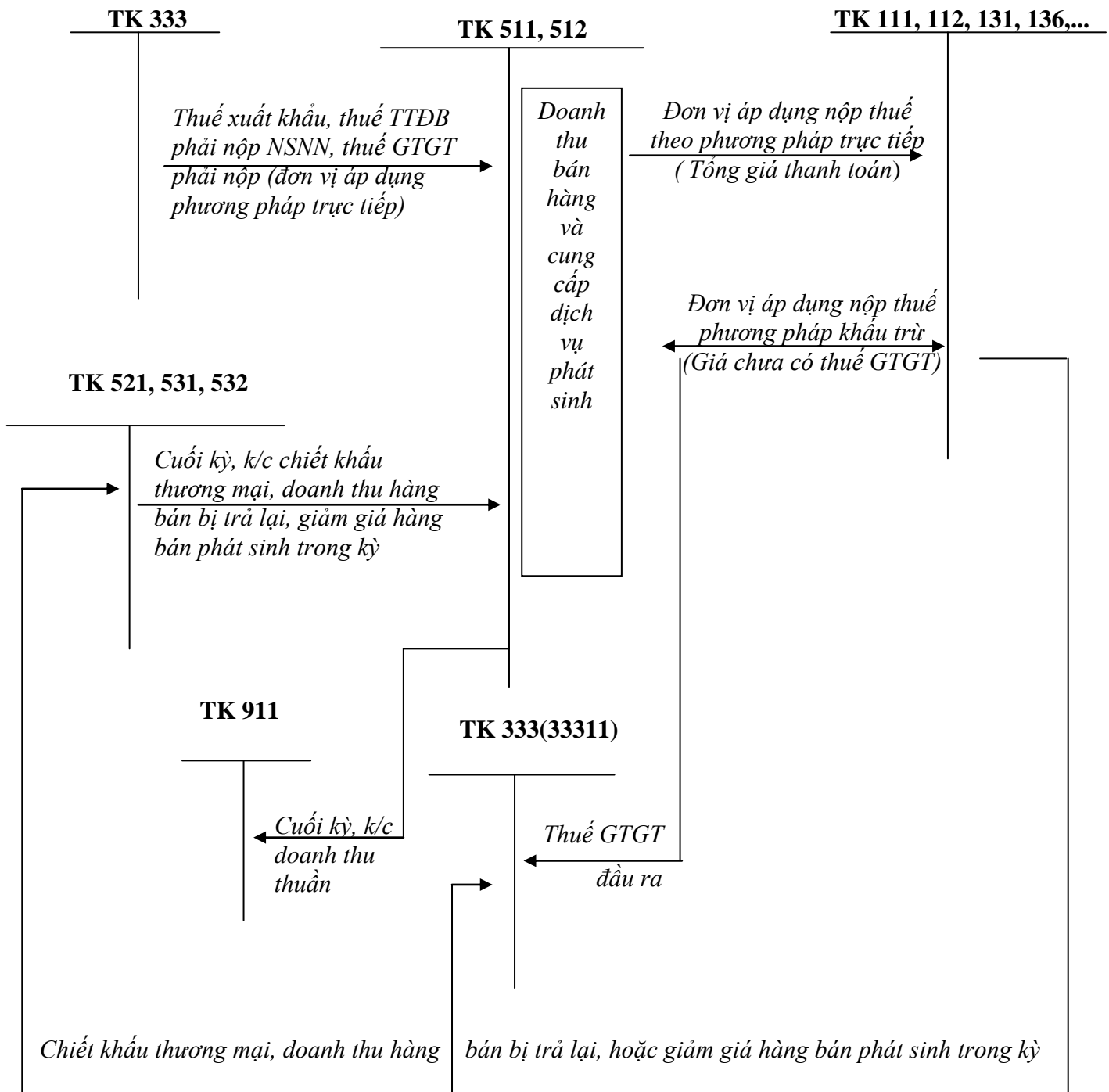
Bên có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 512 không có số dư cuối kỳ.

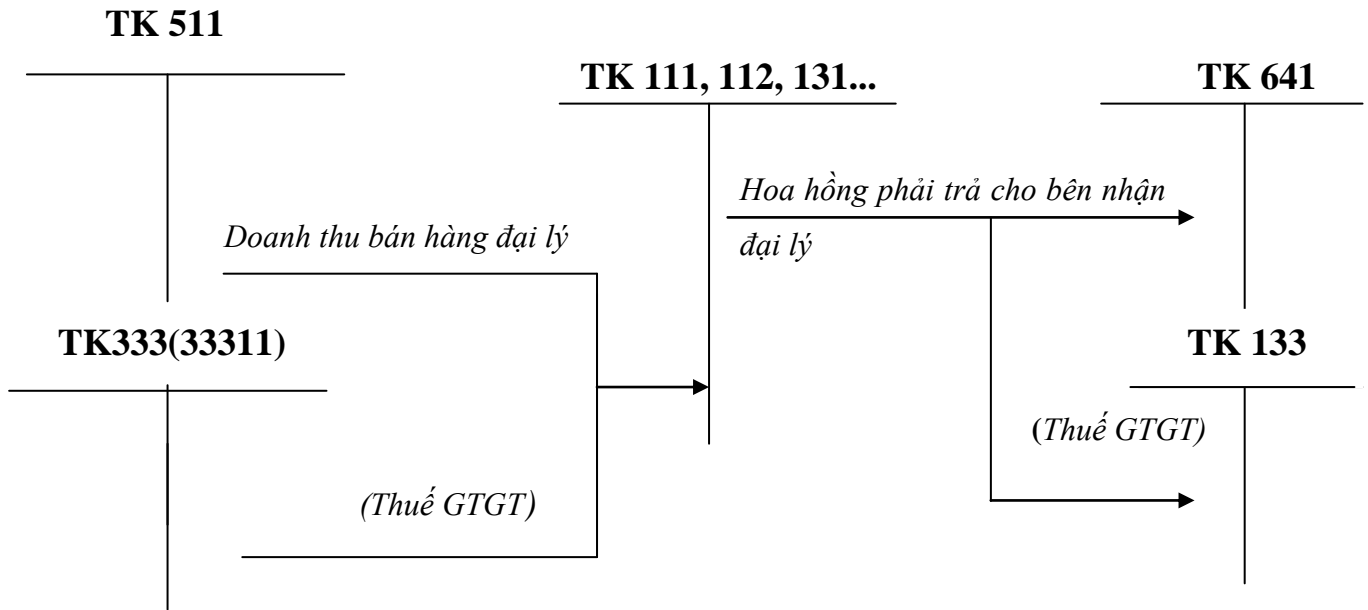
✚ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

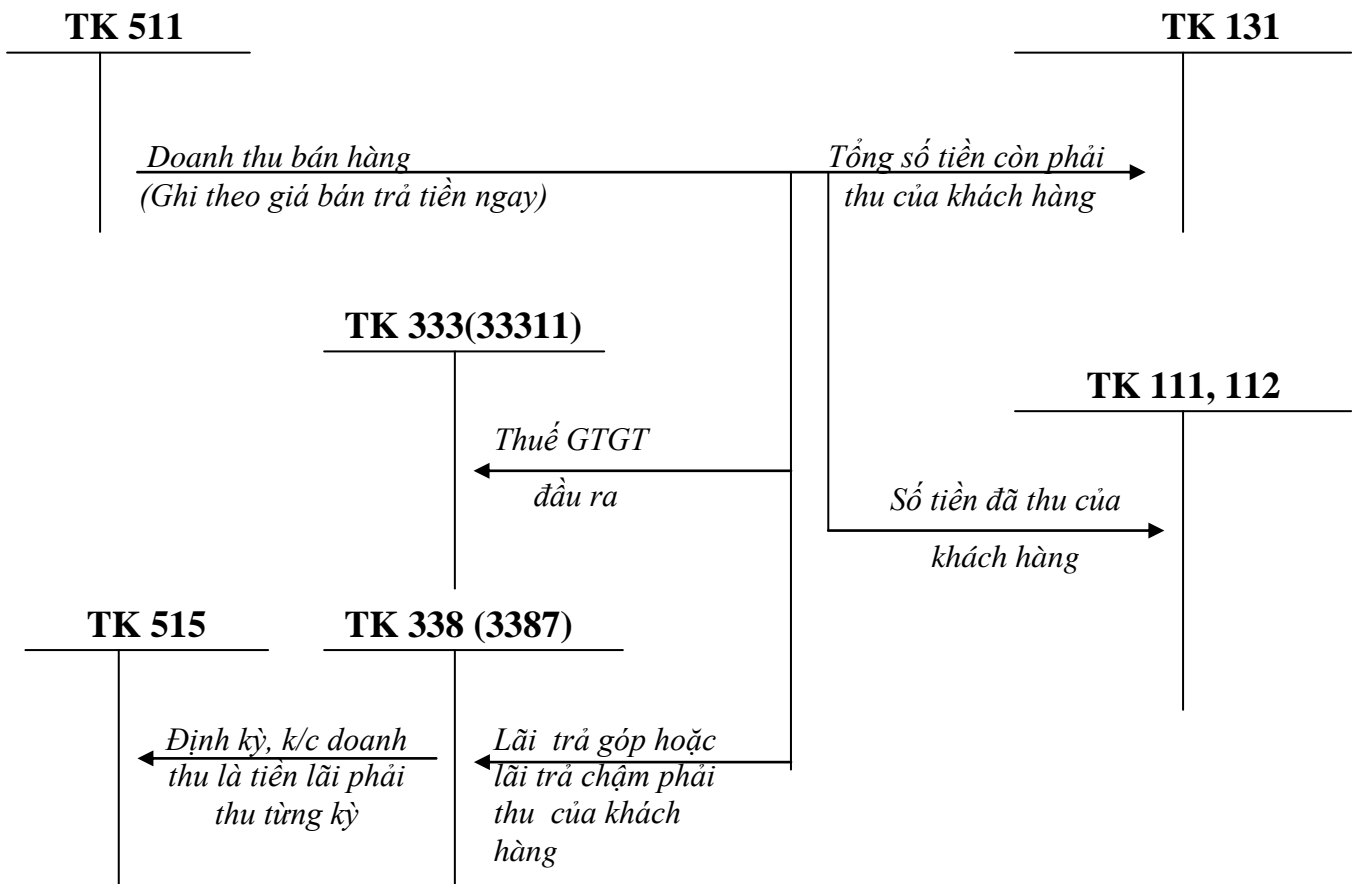


Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý

(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

+ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

+ Tài khoản sử dụng:

➤ **Tài khoản 521 "Chiết khấu thương mại"**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi chép trên hợp đồng kinh tế mua, bán hoặc cam kết mua bán, bán hàng.

▪ Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
- Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

✓ Kết cấu của TK 521:

Bên nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 531 "Hàng bán bị trả lại"**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số hàng hóa, dịch vụ đã tiêu dùng bị khách hàng mang trả lại do các nguyên nhân (kém phẩm chất, quy

cách,...) được doanh nghiệp chấp nhận.

Trị giá hàng thuần của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ kế toán.

Tài khoản này phản ánh giá trị của số hàng bán bị trả lại (tính theo đúng giá ghi trên hóa đơn) Các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.

✓ Kết cấu của TK 531:

Bên có:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên nợ:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

TK 531 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 532 "Giảm giá hàng bán":**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán hàng chấp nhận trên thỏa thuận.

✓ Kết cấu của TK 532

Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.

TK 532 không có số dư cuối kỳ

Ngoài ra còn có các khoản giảm trừ doanh thu như:

➤ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến

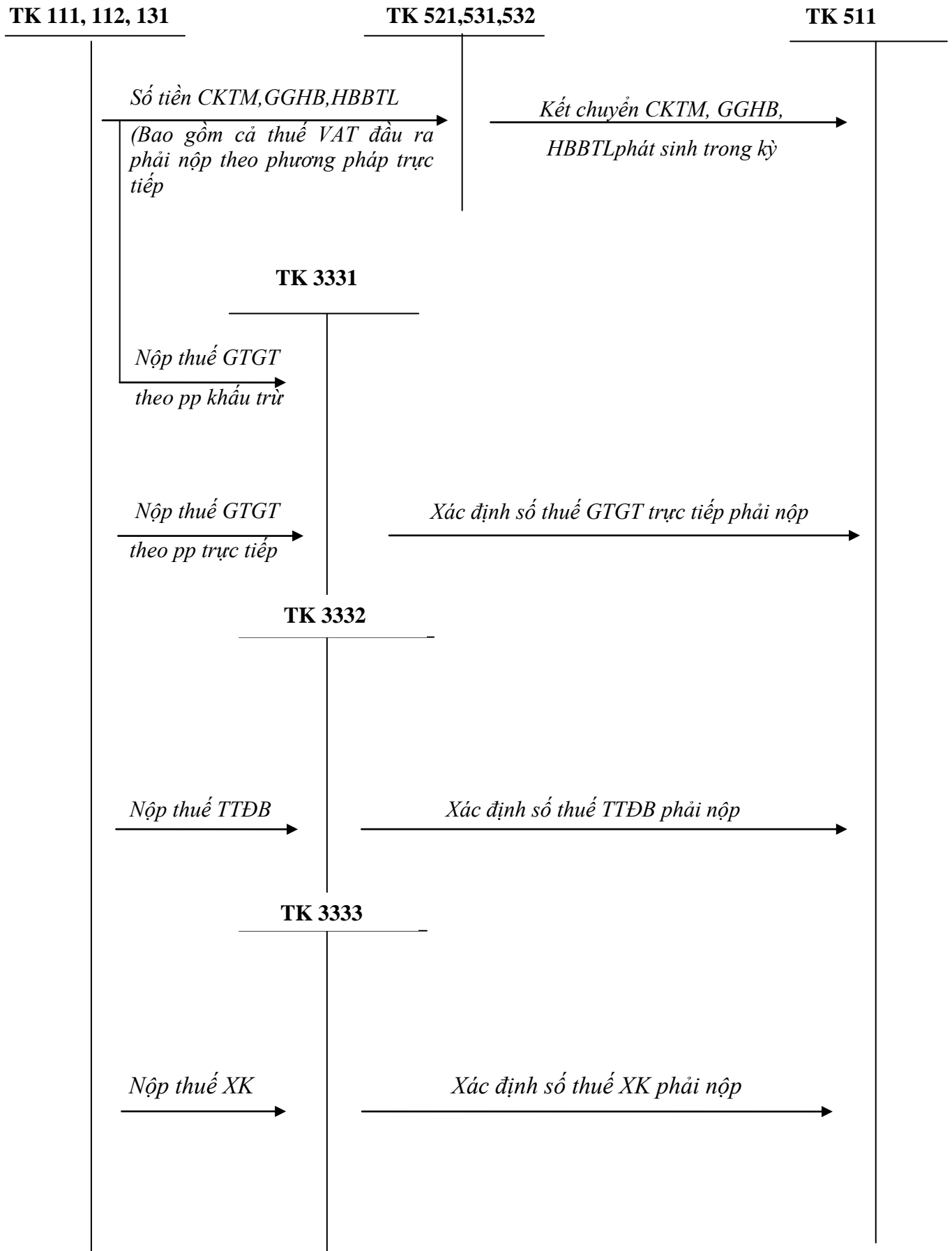
khích sản xuất như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã, bài lá...

➤ **Thuế xuất khẩu:** Là một sắc thuế đánh vào những hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hay bán vào các khu chế xuất.

➤ **Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Là thuế tính trên giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

 **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán được xác định bao gồm giá trị thực tế xuất kho của hàng hóa đem bán cộng cả chi phí thu mua phân bổ cho hàng bán ra.

✓ ***Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.***

Để đưa ra được giá bán hàng hóa hợp lý, doanh nghiệp phải xác định được giá vốn hàng bán để làm căn cứ ghi sổ, cuối kỳ xác định hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế, do giá cả của hàng hóa mua vào luôn biến động do đơn giá của hàng hóa mỗi lần nhập kho là khác nhau điều này đòi hỏi kế toán phải có một phương pháp xác định để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trên cơ sở các đơn giá nhập kho tương ứng.

Hiện nay, có nhiều cách tính trị giá vốn hàng bán khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp mà lựa chọn phương pháp nào cho phù hợp.

- *Trị giá hàng xuất kho được tính như sau:*

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array}$$

- *Phương pháp bình quân gia quyền:*

+ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân liên hoàn).*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Đối với doanh nghiệp thương mại, chi phí thu mua được theo dõi riêng và cuối kỳ phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Phân bổ chi phí} \\ \text{thu mua cho} \\ \text{hàng tiêu thụ} \end{array} = \frac{\text{Trị giá vốn của hàng bán ra trong kỳ}}{\text{Tổng trị giá hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí thu} \\ \text{mua của hàng tồn} \\ \text{kho đầu kỳ và phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}$$

$$\text{Trị giá vốn của hàng tiêu thụ trong kỳ} = \text{Trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ} + \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

✓ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu xuất kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ(Mẫu 03-VT)
- Và các chứng từ khác có liên quan.

✓ **Tài khoản sử dụng:**

TK 632 " Giá vốn hàng bán"

① Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- ✓ Kết cấu nội dung TK 632:

Bên có:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- + Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ;
- + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:

- + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;
- + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;

Bên nợ:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ

sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

TK 632 không có số dư cuối kỳ

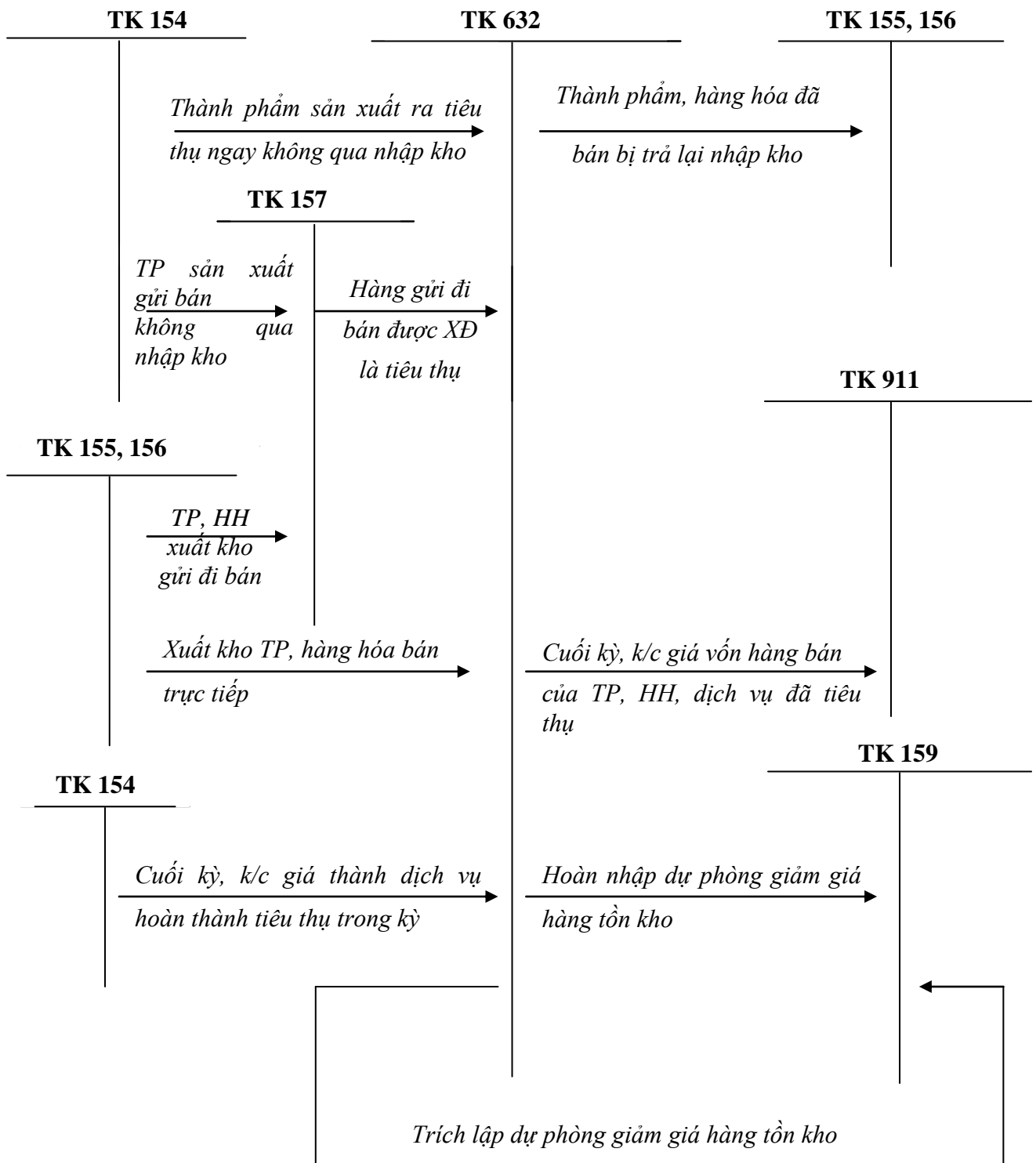
② *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 - "Mua hàng"

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 - "Giá thành sản xuất."

❖ ***Phương pháp hạch toán***

Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng là tất cả các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán liên quan tới hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm một số nội dung sau: Chi phí nhân viên, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành, chi phí mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

✓ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - VT)
- Chứng từ kế toán liên quan.

○ **Tài khoản kế toán sử dụng: TK 641 "Chi phí bán hàng"**

✓ Các TK cấp 2:

- + *Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên*
- + *Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì*
- + *Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng*
- + *Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ*
- + *Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành*
- + *Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài*
- + *Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác*

✓ Kết cấu tài khoản 641.

Bên có: Tập hợp các chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ

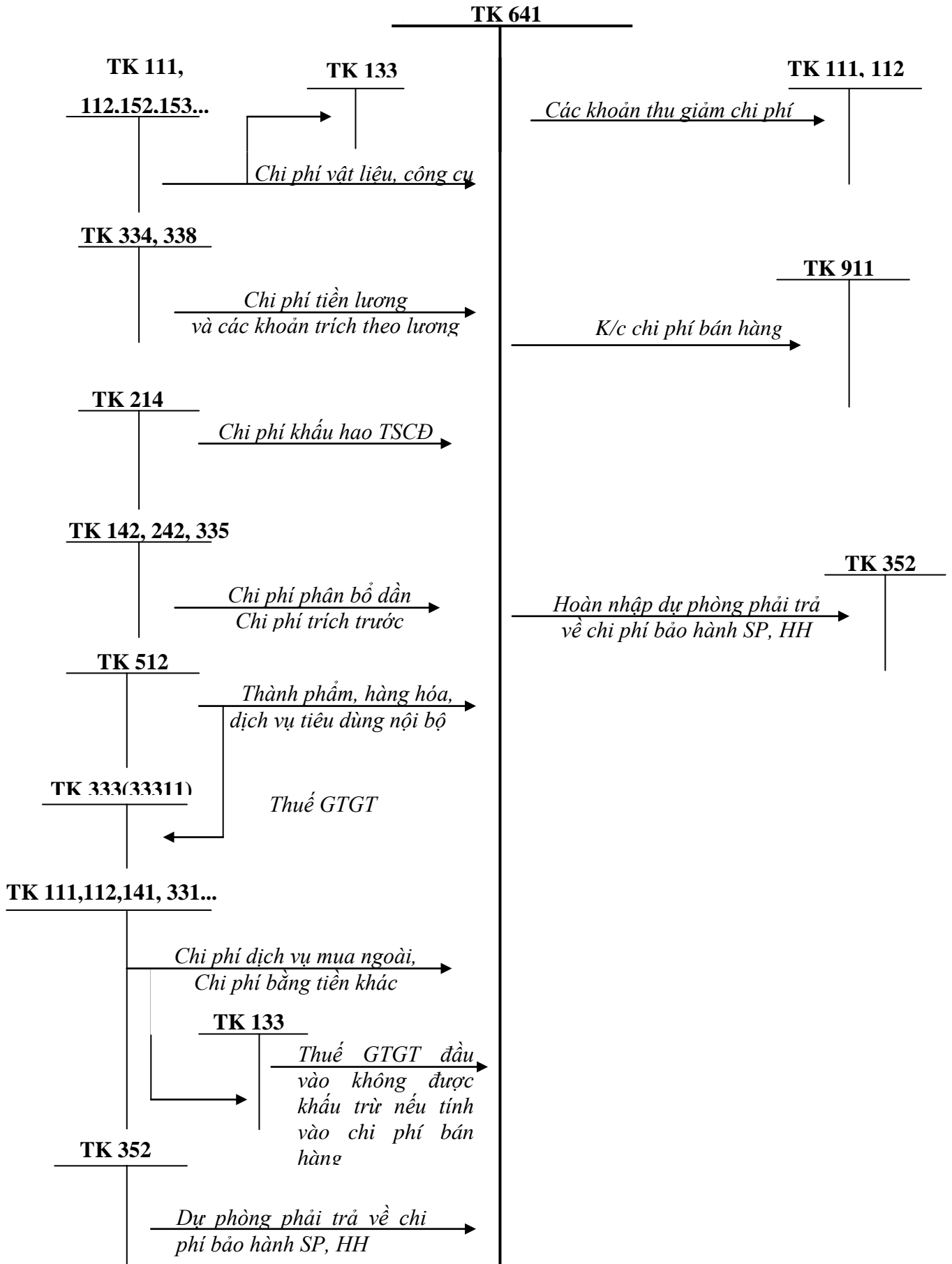
Bên nợ: - Các khoản giảm chi phí bán hàng

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

✓ **Phương pháp hạch toán.**

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng



1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là tất cả các khoản chi phí thực tế phát sinh trong kỳ kế toán của doanh nghiệp liên quan tới hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm một số nội dung sau: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác.

✓ Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - VT)
- Chứng từ kế toán liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng: TK 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

✓ Kết cấu tài khoản 642.

Bên nợ: Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

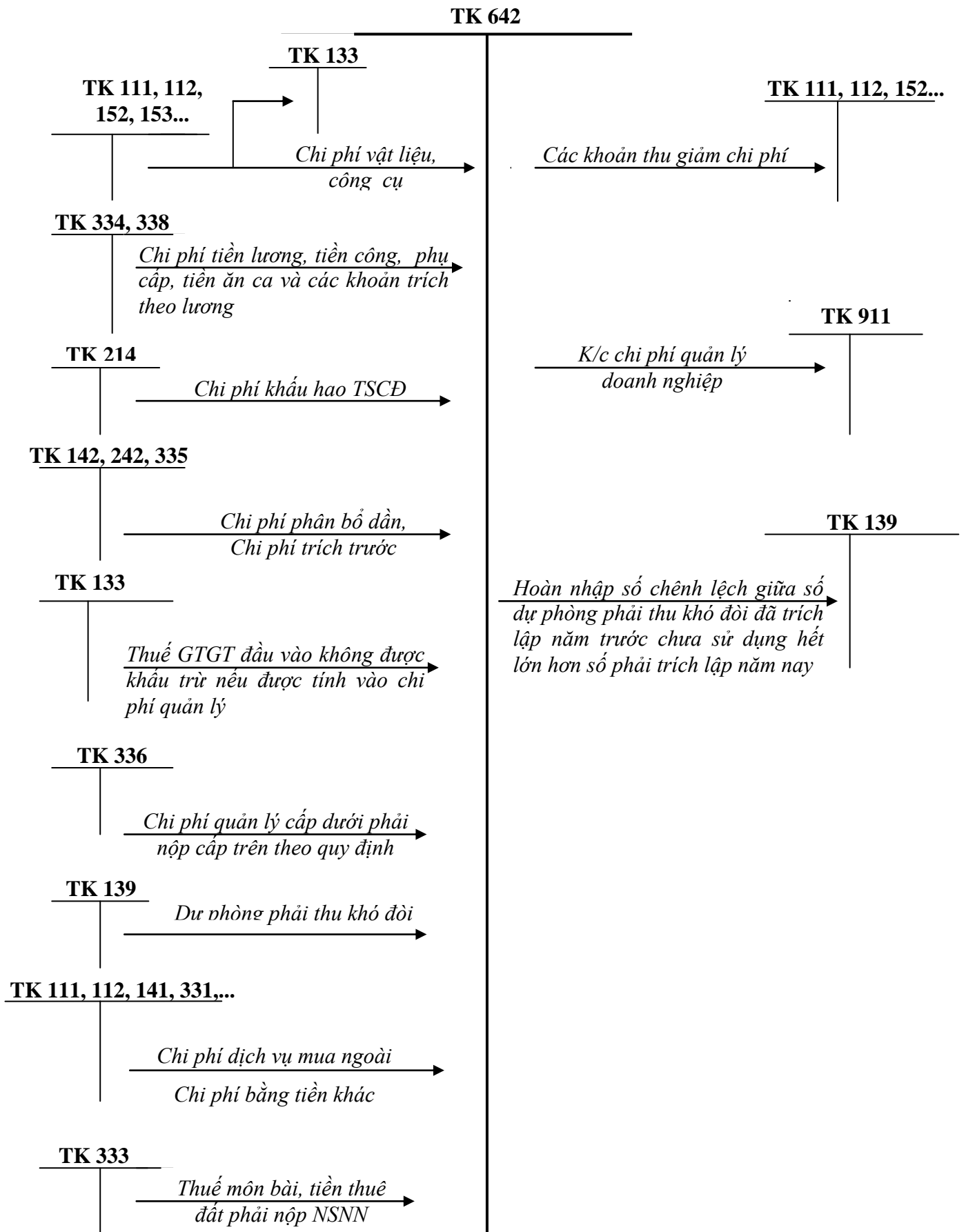
Bên có: - Các khoản làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

✓ Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản lợi ích kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn là đầu tư tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, cổ tức, lợi nhuận được chia,...

✚ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

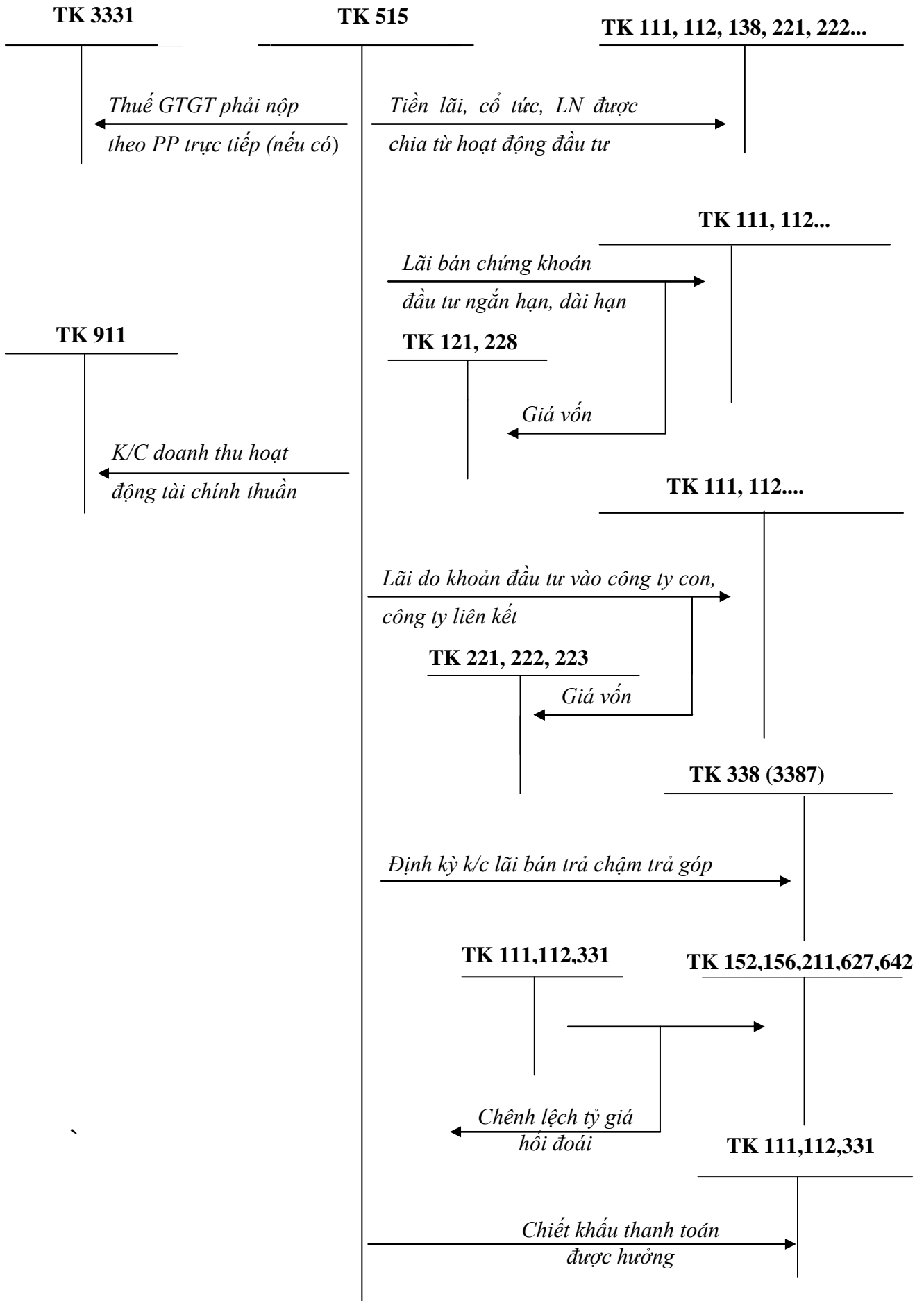
Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

✚ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.



1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau: Chi trả tiền lãi vay, lỗ từ bán chứng khoán, chênh lệch lỗ tỉ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán, tiền lãi từ mua hàng theo phương thức trả góp,...

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ TK 635: Chi phí tài chính

- ✓ Kết cấu của TK 635

Bên nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh ;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

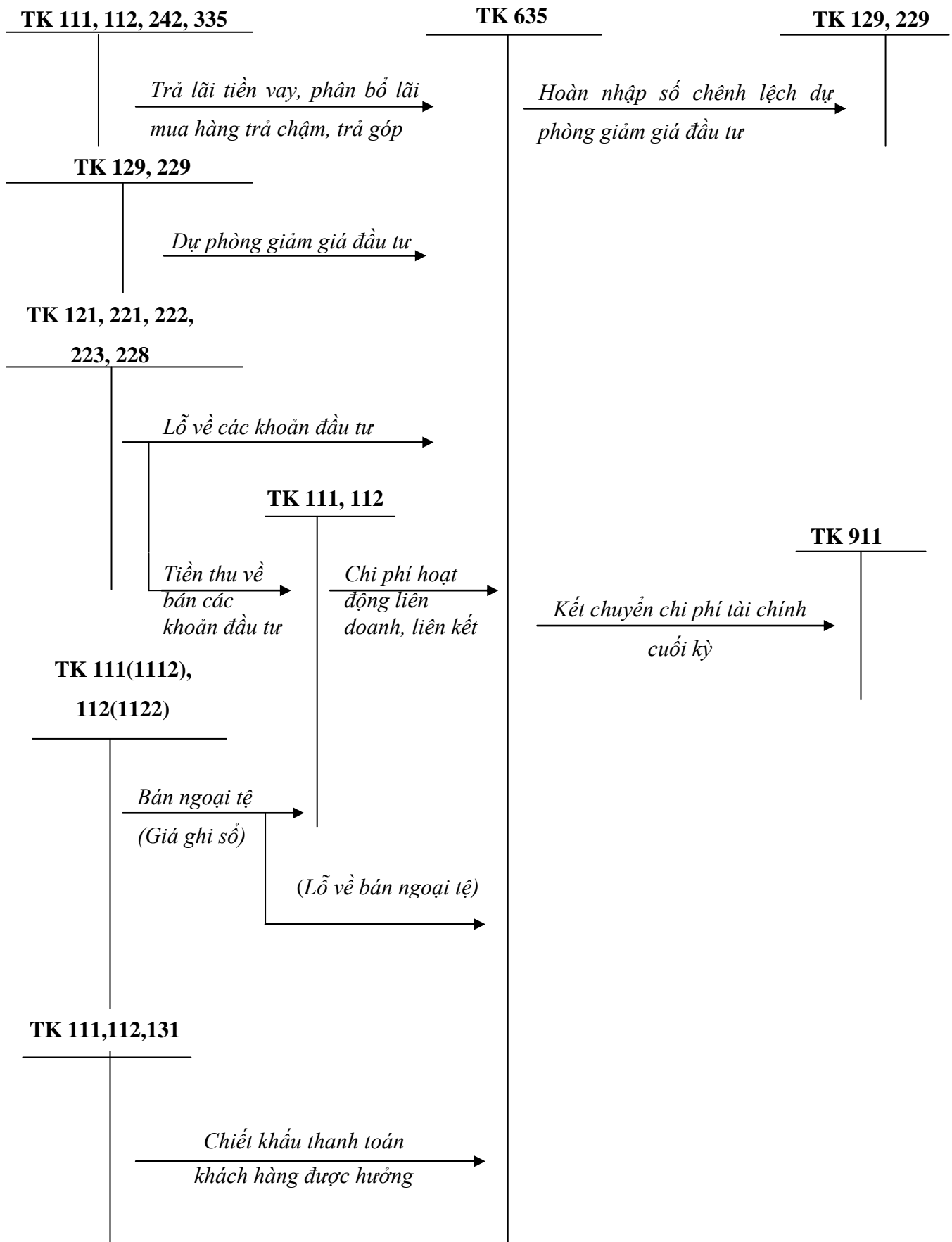
Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10 : Hạch toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.

1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.

Thu nhập hoạt động khác: Là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số nội dung sau: Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ,...

✚ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

✚ Tài khoản sử dụng:

TK 711 " Thu nhập khác"

- ✓ Kết cấu của TK 711:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

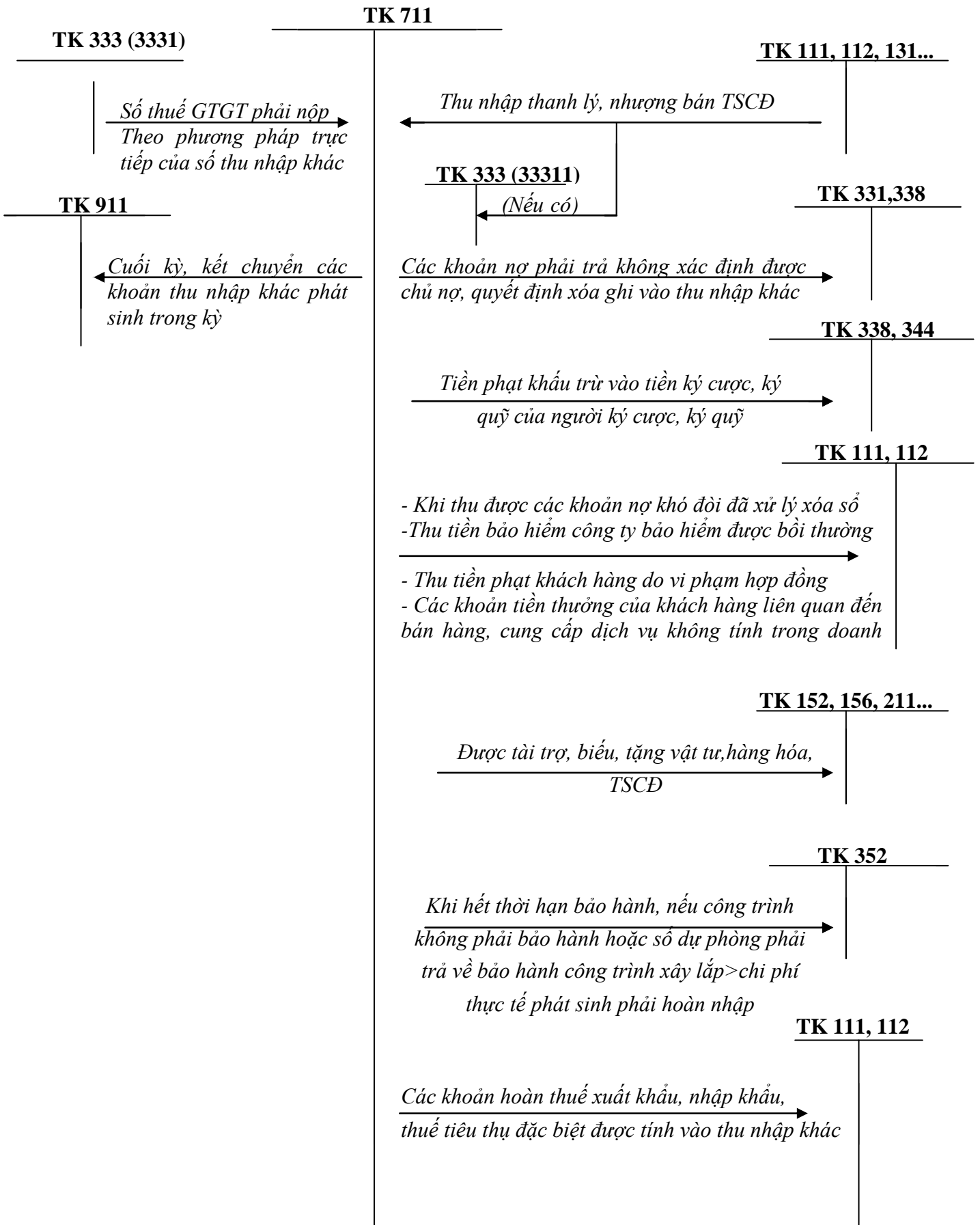
Bên có:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

TK 711 không có số dư cuối kỳ

✚ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.11: Kế toán thu nhập khác



1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác

Chi phí hoạt động khác: Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động khác bao gồm một số nội dung: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

- ✓ Kết cấu của TK 811:

Bên nợ:

- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

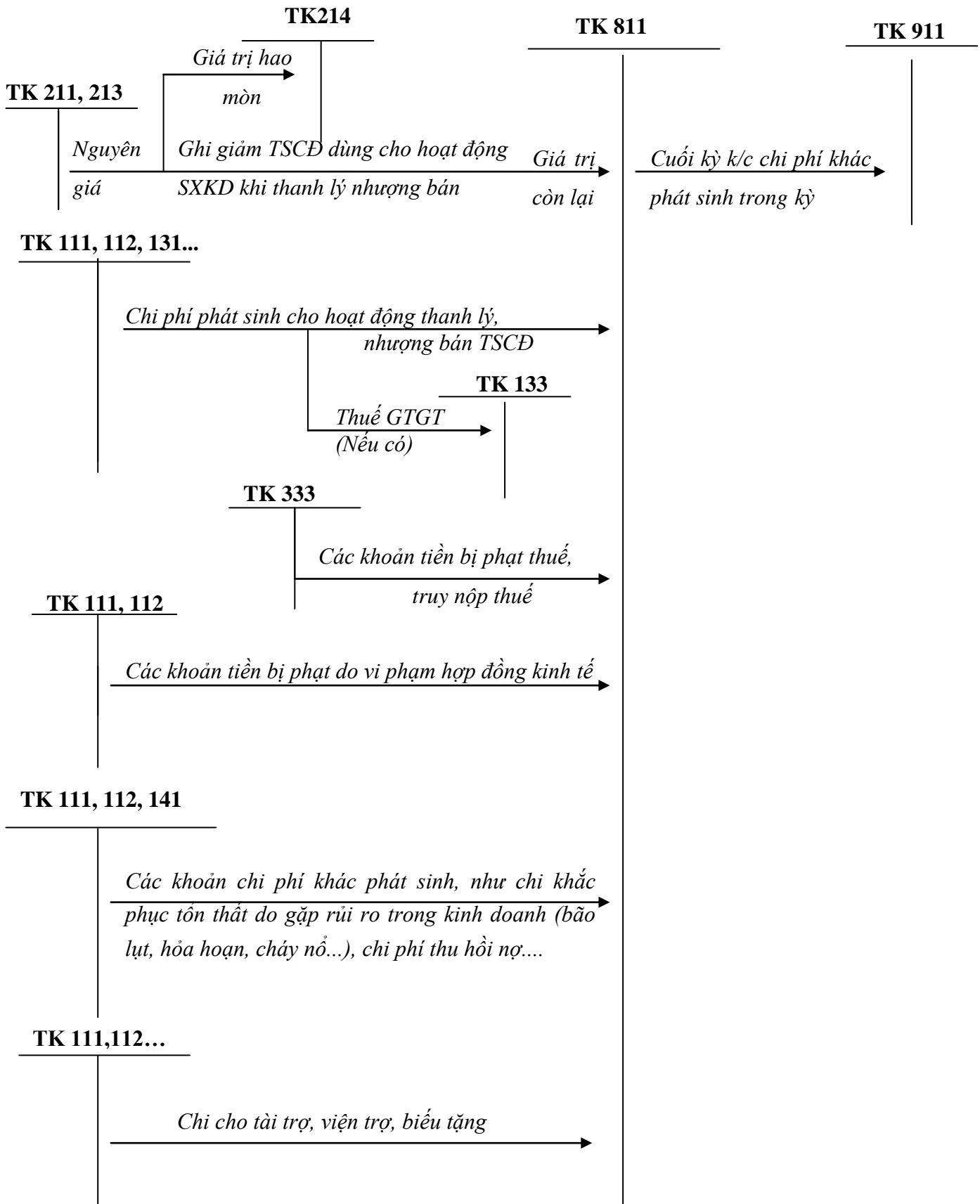
Bên có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

☒ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.12 : Kế toán chi phí khác



1.2.5.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

+ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, ủy nhiệm chi,...
- Các chứng từ khác có liên quan.

+ Tài khoản sử dụng:

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

+ Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

+ Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ :

$$\begin{array}{l}
 \text{Kết quả hoạt} \\
 \text{động bán} \\
 \text{hàng và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Doanh thu} \\
 \text{thuần về bán} \\
 \text{hàng và cung} \\
 \text{cấp dịch vụ}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Giá vốn} \\
 \text{hàng bán}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{bán hàng}
 \end{array}
 -
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí} \\
 \text{QLDN}
 \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{rcl} \text{Doanh thu thuần} & & \text{Doanh thu bán} & & \text{Các khoản} \\ \text{về bán hàng và} & = & \text{hàng và cung} & - & \text{giảm trừ} \\ \text{cung cấp dịch vụ} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{doanh thu} \end{array}$$

+ **Kết quả hoạt động tài chính**

$$\begin{array}{rcl} \text{Kết quả hoạt} & = & \text{Doanh thu hoạt} & - & \text{Chi phí tài chính} \\ \text{động tài chính} & & \text{động tài chính} & & \end{array}$$

+ **Kết quả hoạt động khác:**

$$\begin{array}{rcl} \text{Kết quả hoạt} & = & \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ \text{động khác} & & \end{array}$$

+ **Kết quả hoạt động kinh doanh:**

$$\begin{array}{rcl} \text{Kết quả hoạt} & = & \text{Kết quả hoạt} & + & \text{Kết quả hoạt} & + & \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động kinh doanh} & & \text{động bán hàng} & & \text{động tài chính} & & \text{động khác} \\ & & \text{cung cấp dịch vụ} & & & & \end{array}$$

📌 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

📌 Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

✓ Kết cấu của TK 911 như sau:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ

đã bán trong kì;

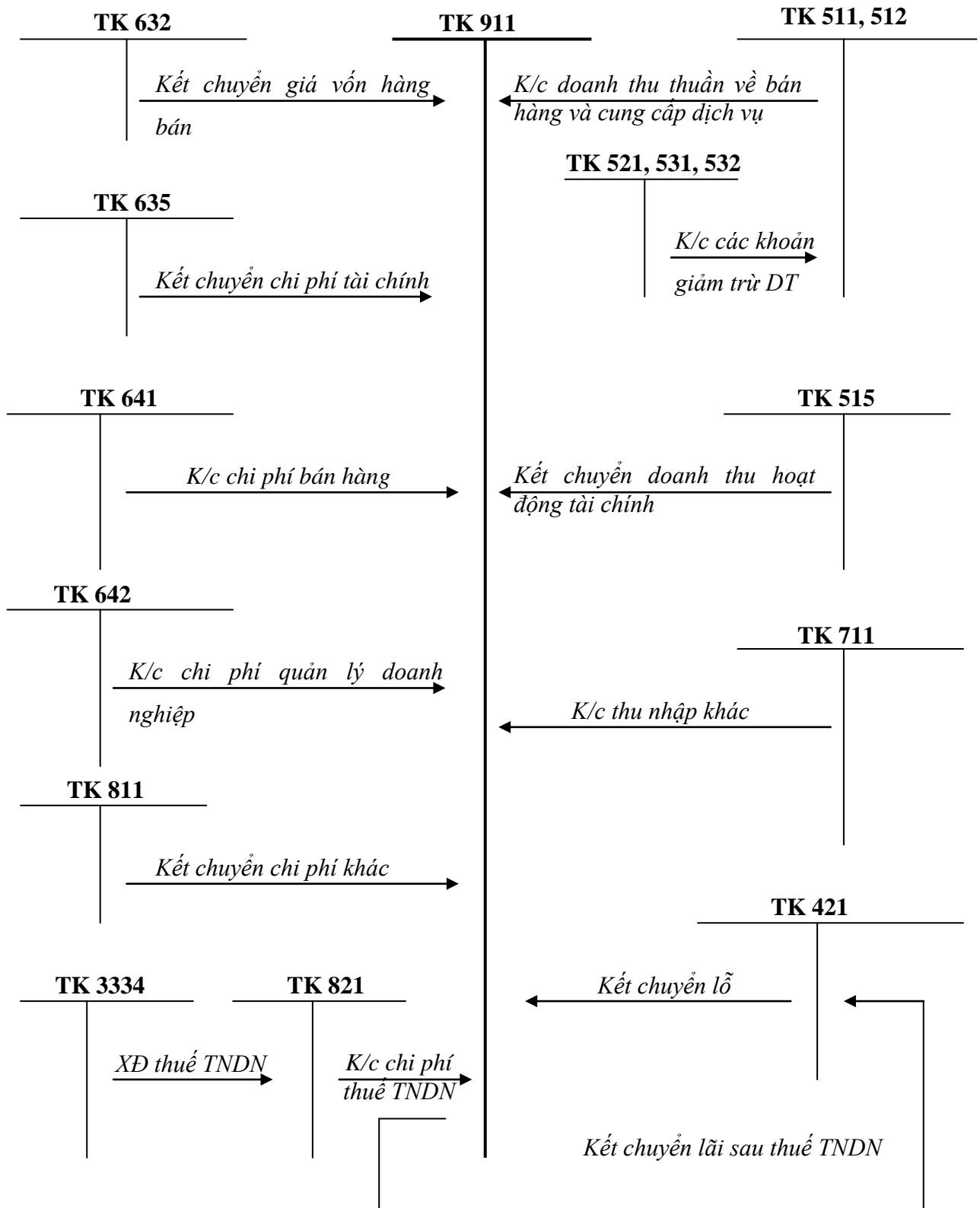
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

 **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG.

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG.

2.1.1. Thông tin khái quát chung về công ty.

- Tên công ty(tiếng Việt): Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

- Tên công ty(tiếng Anh): Tam Long trade and construction joint stock company.

- Tên viết tắt: Tam Long J.S.C

• ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH:

Địa chỉ : Tổ 3, Gò công 2, Phù Liễn, Kiến An, Hải Phòng

Điện thoại : 0312.619699

Tài khoản : 10921266666019 tại Ngân hàng Techcombank C.N Kiến An – Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200719112.

• VĂN PHÒNG GIAO DỊCH:

Địa chỉ : Chân cầu Vàng II, Km33 + 420 Quốc lộ 10, KCN An Lão – Thị trấn An Lão – TP Hải Phòng.

Điện thoại : 0312.619699 – 0312.619689

Fax : 0313.762500

Email : TamLong.jsc2006@gmail.com

Công ty thành lập tháng 11 năm 2006 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002675 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 11 năm 2006.

2.1.2. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty.

Trong quá trình phát triển không ngừng của thị trường, công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long hoạt động theo phương châm nếu không tự mình tạo ập nên nền tảng vững chắc cho chính mình sẽ tự đào thải và không thể tồn tại trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Được thành lập từ năm 2006 theo giấy phép thành lập số 0203002675 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 11 năm 2006. Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long với đội ngũ nhân viên trẻ, năng động sáng tạo và đầy nhiệt huyết đơn vị đã đạt được những bước phát triển đáng kể trong công việc. Công ty có lực lượng thiết bị máy móc, phương tiện kỹ thuật đa dạng về chủng loại, hiện đại tiên tiến về công nghệ đáp ứng được nhu cầu thi công xây lắp các loại công trình có quy mô lớn đòi hỏi kỹ thuật cao, có tinh chất và điều kiện thi công phức tạp.

Mặc dù được thành lập và hoạt động chưa lâu nhưng đơn vị đã tạo được nền tảng phát triển cho mình, các công trình do công ty thi công được đánh giá cao về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật và tiến độ thi công tiêu biểu là một số công trình như: Nhà máy Xi Măng Cẩm Phả, nhà máy xi măng Hải Phòng, Công ty Đỉnh Vàng, Xưởng cơ khí công ty đóng tàu Thành Long, Công ty Ô tô HuaZhong, phân xưởng cơ khí và nắp hầm hàng công ty tàu thủy Nam Triệu, nhà xưởng công ty LIHITLAB Nhật Bản tại khu công nghiệp Nomura – HP....

Bên cạnh đó công ty còn là đơn vị cung cấp nguyên vật liệu xây dựng chính cho các công trình như: Trường tiểu học trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Quảng Ninh, Công ty CP Hàng Kênh, Công ty TNHH Quốc Tế Vĩnh Chân, nhà xưởng công ty TNHH Well Power Việt Nam, nhà xưởng công ty TNHH Nội thất 190, nhà xưởng sản xuất chính và các hạng mục khác của nhà máy bia Hà Nội Hải Phòng – HABERCO tại khu công nghiệp An Tràng – An Lão – Hải Phòng....

Công ty còn là bạn hàng hợp tác nhiều năm với nhà máy Xi măng Hải Phòng, xi măng Chinfon, xí nghiệp gạch Gò Công, Công ty gốm xây dựng Hạ Long,...

Hiện nay công ty dự định thành lập chi nhánh tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình... với các ngành nghề kinh

doanh chính để mở rộng tại thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển của công ty – sản xuất kinh doanh đa ngành nghề:

❖ Sản xuất – Kinh doanh:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng: Các loại sắt, thép hình, tôn màu, xi măng, cát...
- Công ty là đầu mối chuyên thu mua sắt thép phế liệu các loại, cung cấp lại cho các nhà máy sản xuất phôi thép. Đồng thời công ty là bạn hàng truyền thống của các công ty thép: Công ty CP thép và vật tư Hải Phòng, công ty TNHH Công nghiệp – Thương mại Thái Sơn, công ty CP thép Miền Bắc... để kinh doanh, phục vụ thép các công trình.

- Sản xuất và cung cấp các loại thép hình, xà gồ các loại, tôn mạ màu các loại nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường về vật liệu xây dựng được định hình trước...

❖ Về xây dựng:

Các lĩnh vực xây lắp công ty đảm nhận thi công:

- Thi công xây lắp các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình giao thông, công trình điện....

❖ Dự án đầu tư:

Đơn vị đang đẩy mạnh vào việc đầu tư kinh doanh các mặt hàng đặc chủng nhằm chiếm lĩnh thị trường và tạo được nền tảng vững mạnh trước khi tăng tốc phát triển vượt trội trên thị trường.

Công ty có mặt bằng bến bãi rộng lớn phục vụ cho các hoạt động xây dựng, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng và các hoạt động kinh doanh khác. Có đội xe, máy thi công không những đáp ứng được nhu cầu vận chuyên, thi công cơ giới cho các công trình của công ty mà còn làm dịch vụ cho các công trình của các đơn vị khác có nhu cầu sử dụng.

Chỉ tiêu kế hoạch công ty đặt ra: tăng trưởng năm sau cao hơn so với năm trước, với tỷ lệ từ 20% đến 25%. Đến năm 2011, sau năm năm hoạt động công ty đã đưa giá trị sản lượng thực hiện đạt năm mươi tỷ đồng. Trong đó sản lượng kinh doanh chiếm 40%, sản lượng xây lắp chiếm 40%, còn lại 20% dành cho các kế hoạch kinh doanh khác. Nộp ngân sách Nhà nước tăng 10%, nâng cao thu

nhập cán bộ công nhân viên của công ty. Đảm bảo việc làm cho người lao động với mức thu nhập ổn định.

❖ **Năng lực quản lý:**

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng, đoàn kết của toàn thể cán bộ trong công ty sáng tạo trong công việc. Công ty đã áp dụng thành công hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001 vào quá trình sản xuất kinh doanh đã được tổ chức W.Q.A của Vương Quốc Anh thẩm định, công nhận và cấp chứng chỉ ISO 9001-2008 vào năm 2010.

Đây là sự ghi nhận những nỗ lực phấn đấu về hiệu quả làm việc của công ty là nhân tố quyết định cho những kết quả đạt được trong những năm qua.

Với chính sách phát triển không ngừng, Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long luôn đạt mục tiêu tiên bộ, chất lượng, an toàn trong xây dựng và sự tín nhiệm của khách hàng là nhân tố ưu tiên hàng đầu.

Công ty tin tưởng vào khả năng, kinh nghiệm của mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với bạn hàng truyền thống. Công ty tin tưởng sẽ là đối tác tin cậy và tiềm năng của tất cả các Quý khách hàng.

2.1.3. Chính sách chất lượng.

Mọi nhân viên của Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam đều thấu hiểu và gắn kết với phương châm làm việc:

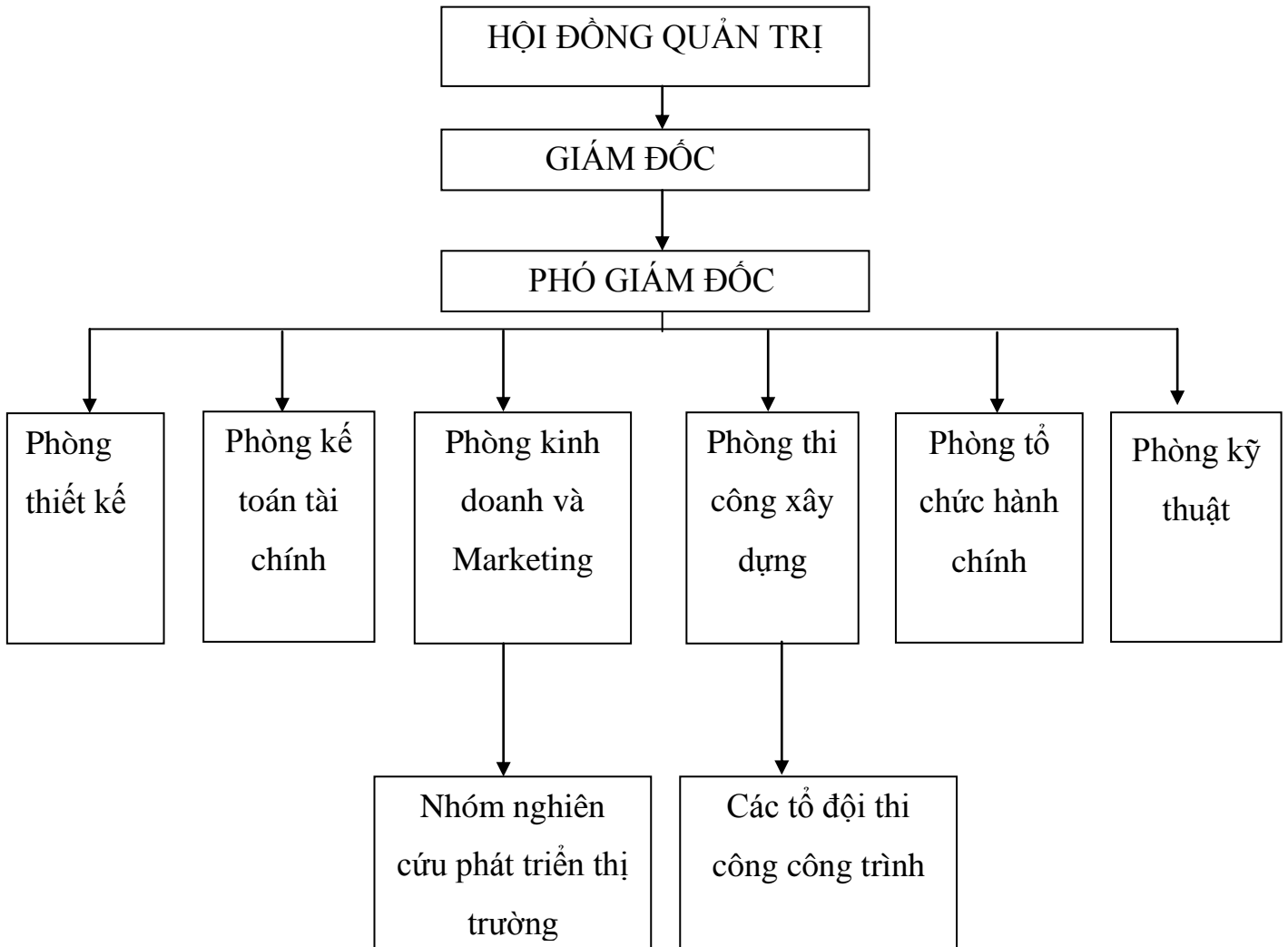
“ CHẤT LƯỢNG – KỸ THUẬT – MỸ THUẬT – TIẾN ĐỘ VỚI GIÁ CẢ HỢP LÝ”

Với mọi hoạt động đều hướng tới sự thỏa mãn kỳ vọng của khách hàng.

Để gắn kết yêu cầu của khách hàng với mọi hoạt động của Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long , đơn vị đã xây dựng và cam kết tuân thủ theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008, hệ thống giúp cho đơn vị luôn luôn thấu hiểu các yêu cầu của khách hàng, đồng thời có thể cung cấp dịch vụ đáp ứng tối đa một cách linh hoạt nhất các yêu cầu của khách hàng và có thể cao hơn cả sự mong đợi của khách hàng.

2.1.4 Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý công ty CP XD & TM Tam Long



✓ Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban:

➤ Hội Đồng Quản Trị:

Do Đại hội đồng cổ đông công ty bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Hội đồng có nhiệm vụ:

- Quyết định chiến lược phát triển công ty
- Quyết định huy động thêm vốn theo các hình thức
- Quyết định phương án đầu tư

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc và cán bộ quản lý quan trọng khác của công ty, quyết định mức lương và lợi ích của cán bộ quản lý đó.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần doanh nghiệp khác.
- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
- Chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông về những vi phạm trong quản lý, vi phạm điều lệ, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho công ty...
- Giám đốc: Do HĐQT bổ nhiệm là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, giám đốc công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty.
 - Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT
 - Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh về phương án đầu tư của công ty.
 - Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
- Phó giám đốc : Do HĐQT bổ nhiệm có quyền lợi và nghĩa vụ:
 - Tham mưu cho giám đốc trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh.
 - Ngoài các công tác được phân công cụ thể thì cần có sự trao đổi nắm bắt nội dung công việc có liên quan để giải quyết công việc khi cần, đảm bảo mọi hoạt động tiến độ nhịp nhàng và sự điều hành của giám đốc.
- Tổ chức thực hiện quản lý các nguồn lực của công ty. Xây dựng quy chế điều hành sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chịu trách nhiệm trước giám đốc về các mặt kỹ thuật công nghệ, kinh doanh...Chỉ đạo sản xuất thực hiện theo kế hoạch mà ban lãnh đạo công ty đề ra. Giám sát giải quyết các công việc hàng ngày của đơn vị về: Kế toán , thống kê tài chính, kế hoạch kinh doanh, chỉ đạo việc thực hiện các phương án đấu thầu, các mối quan hệ kinh doanh trong và ngoài nước, thay mặt giám đốc ký các hợp đồng kinh

té có giá trị đến 200 triệu đồng, đề xuất các phương án tổ chức sắp xếp lại lao động, sửa đổi bổ sung các quy chế quy định của công ty về lĩnh vực mình phụ trách.

➤ Phòng kế toán tài chính:

Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của bộ tài chính,, ghi chép phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn, vốn vay, giải quyết các loại vốn phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong kinh doanh. Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của công ty.

➤ Phòng tổ chức hành chính:

Có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính như tiếp nhận, phát hành và lưu trữ công văn, giấy tờ tài liệu. Quản lý nhân sự, nghiên cứu, xây dựng cơ cấu tổ chức công ty. Thực hiện một số công việc về chế độ chính sách cũng như vấn đề lương bổng khen thưởng. Quản trị tiếp nhận lưu trữ công văn từ trên xuống, chuyển giao cho các bộ phận có liên quan.

➤ Phòng kinh doanh và marketing:

Nhiệm vụ tiếp cận và mở rộng thị trường, phân đoạn thị trường phù hợp với mục đích kinh doanh của công ty, quảng cáo sản phẩm mới, tìm kiếm khách hàng, thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, quản lý các cửa hàng giới thiệu sản phẩm và các đại lý công ty, thực hiện các giao dịch và hoạt động sản xuất trong và ngoài nước. Thu thập các thông tin trên thị trường về các lĩnh vực kinh doanh của công ty, nghiên cứu nhu cầu thị trường và tìm kiếm thị trường mới, đồng thời hỗ trợ giám đốc ký hợp đồng.

➤ Phòng kỹ thuật:

Quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng cơ bản theo quy chế và pháp luật của nhà nước hiện hành, đồng thời nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật ứng dụng vào thi công, hướng dẫn nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân nhằm tăng khả năng nghiệp vụ cho nhân viên. Theo dõi bám sát tiến độ thi công, quản lý kiểm tra số lượng nguyên vật liệu nhập và xác định mức vật liệu tiêu hao ổn định hợp lý. Tổ chức nghiệm thu khối lượng công trình, duyệt quyết toán công trình hình thành.

➤ Phòng thiết kế:

Thiết kế các công trình dân dụng, nhà xưởng công nghiệp, showroom, văn phòng, công trình giao thông, công trình thủy điện.....theo tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định chung của các cấp có thẩm quyền.

➤ Phòng thi công xây dựng:

Trực tiếp tổ chức các đội thi công, xây dựng các công trình theo bản vẽ, tiến độ dưới sự phối hợp hướng dẫn của phòng kỹ thuật và sự chỉ đạo của Giám đốc.

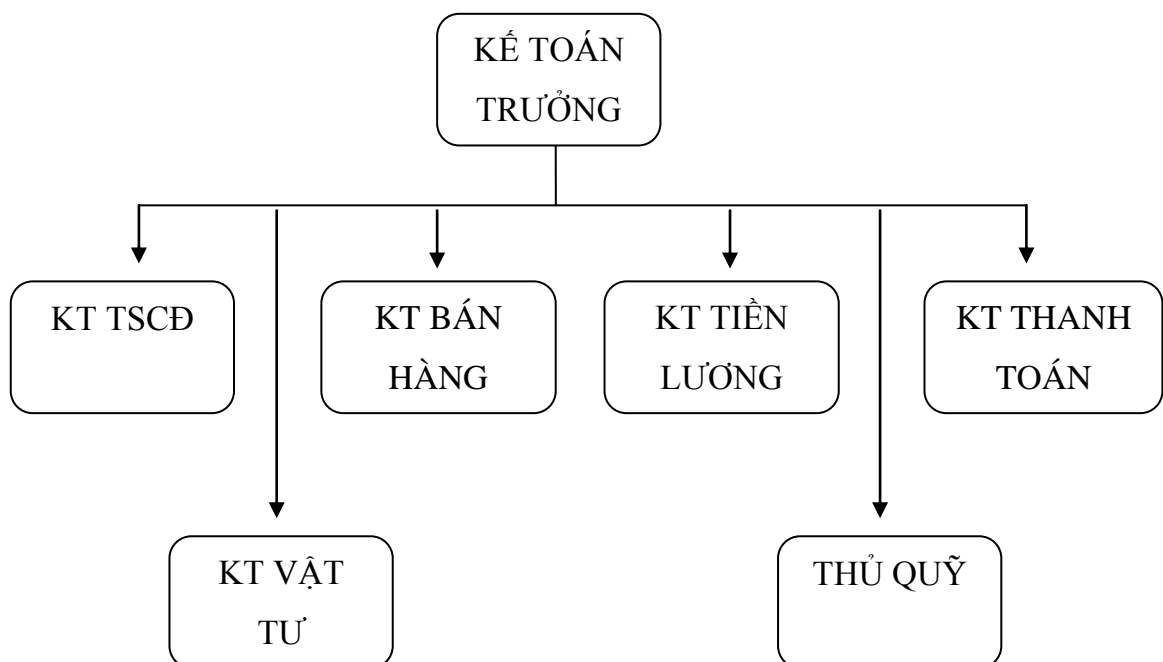
⇒ Như vậy, mỗi phòng ban trong công ty đều có chức năng nhiệm vụ riêng nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị công ty nhằm đạt lợi ích cao nhất cho công ty.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty CP XD& TM Tam Long.



- **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.
- **Kế toán tài sản cố định:** Có nhiệm vụ theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo tài chính cuối kỳ.
- **Kế toán bán hàng:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của sản phẩm, hàng hóa xuất bán; theo dõi các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến công tác bán hàng; theo dõi công nợ phải thu của các khách hàng.
- **Kế toán tiền lương:** Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.
- **Kế toán vật tư :** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyên cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.
- **Kế toán thanh toán:** Có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.
- **Thủ quỹ:** Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.5.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

- Niên độ kế toán ở Công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.
- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.
- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

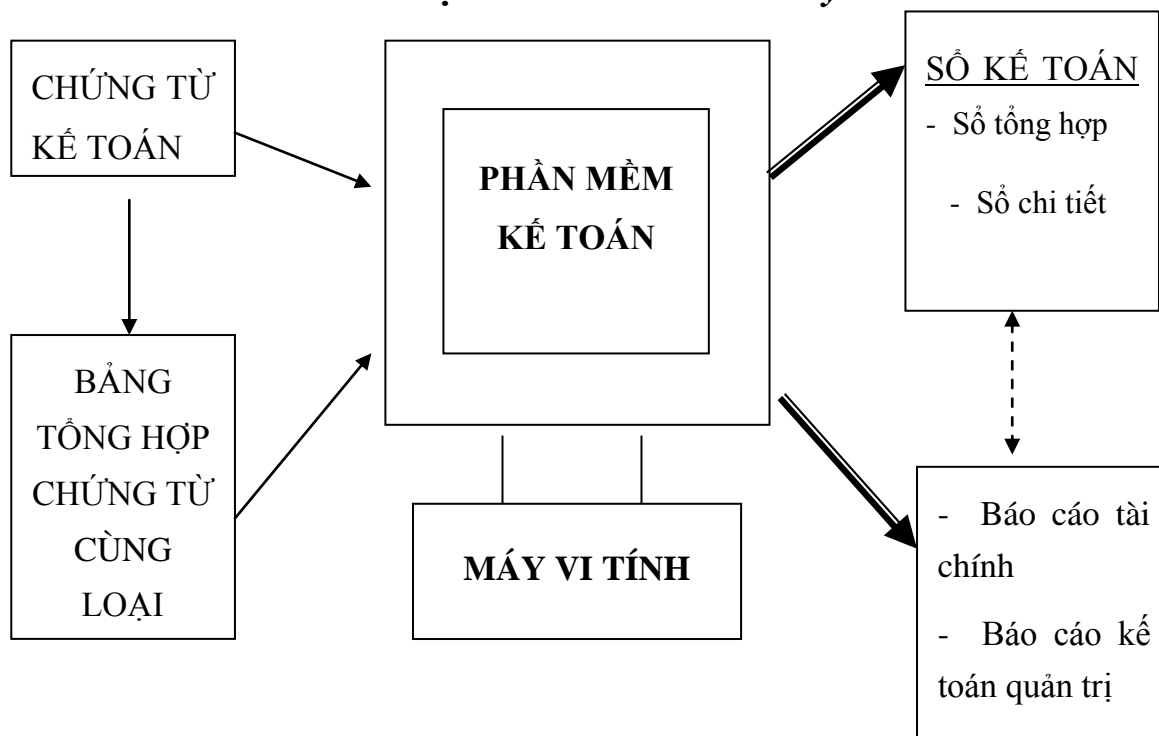
- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập. Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán WEEKEND ACCOUNTING của công ty Cổ Phần GOLDSTAR Việt Nam cung cấp. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính.



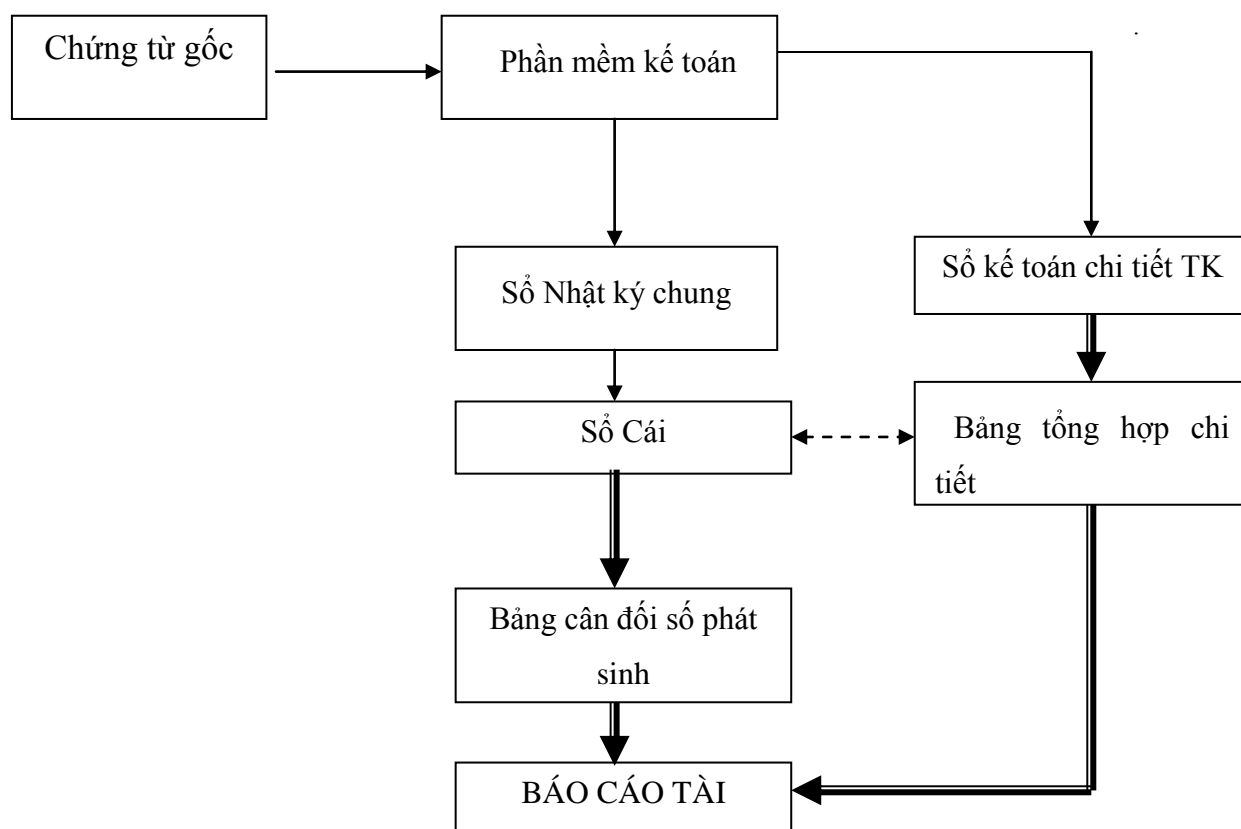
Ghi chú:
 —————> Nhập số liệu hàng ngày
 ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn

trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung máy tính tự động nhập dữ liệu vào sổ cái các tài khoản có liên quan. Theo chương trình cài đặt sẵn, máy tính cũng xử lý số liệu ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Cuối kỳ, phần mềm tổng hợp, lập bảng tổng hợp chi tiết, lập Báo cáo tài chính.

Trình tự luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung trên phần mềm kế toán được khái quát theo sơ đồ sau:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG TRÊN PHẦN MỀM WEEKEND ACCOUNTING



- Ghi chú:** —————> Nhập số liệu hàng ngày
=====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập

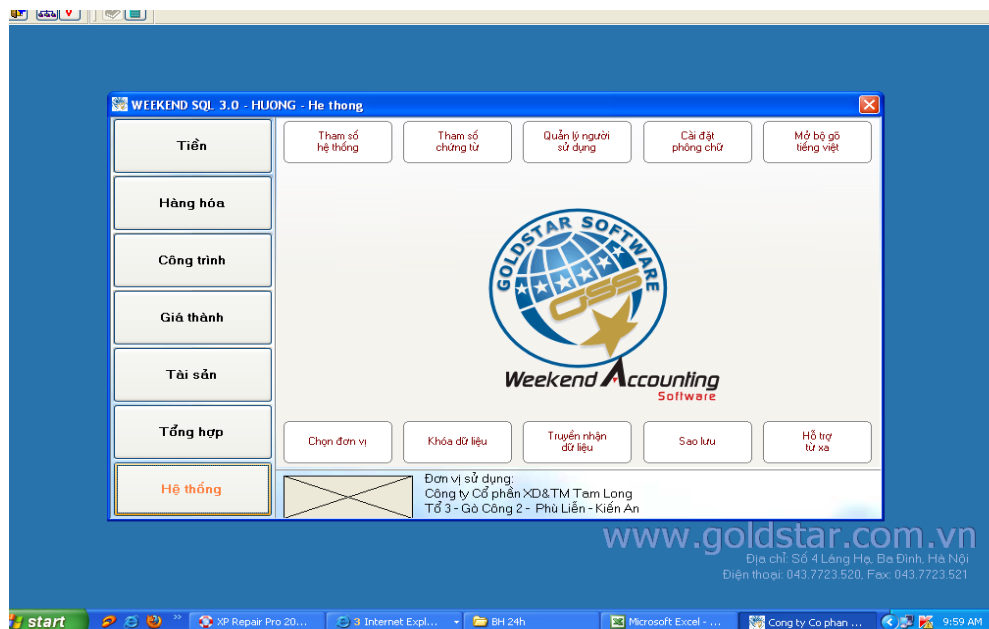
trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán WEEKEND ACCOUNTING, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng, giao diện mà hình sẽ hiện ra như sau:

Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán WEEKEND ACCOUNTING.



2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHU PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng tại công ty

✓ Đặc điểm sản phẩm:

○ *Kinh doanh hàng hóa:*

Hiện nay công ty đang kinh doanh các mặt hàng như:

- Các loại sắt thép hình chữ U, I, V, thép tấm, thép cuộn, thép góc, thép hộp, sắt hộp...
- Các loại que hàn, thuốc hàn.
- Tôn mạ màu, xà gồ tạo hình I, Z
- Vật liệu xây dựng như: Cát, Đá xanh, đá Caco₃, Xi măng, gạch chỉ đỏ Gò Công, gạch men lát nền, gạch Block, nhựa đường Egduls, đá granite các loại, sơn chống thấm, sơn lót, sơn phủ màu,...
- Bình khí nén Oxy, bạt che phủ công trình v.v..
- *Hoạt động xây dựng cơ bản:*
 - Các công trình công cộng như: sân vận động, công trình thủy lợi...
 - Các công trình dân dụng như: tổ hợp nhà văn phòng, nhà kho, nhà xưởng, sàn nhà bằng khung thép chịu lực

✓ **Phương thức bán hàng**

Do đặc điểm kinh doanh của Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long là xây lắp và thương mại nên doanh nghiệp áp dụng hai hình thức bán hàng chính là xuất bán buôn và bán lẻ.

Với hình thức này việc bán hàng thông qua các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa các tổ chức bán buôn với doanh nghiệp, chính vì thế đối tượng của bán buôn rất đa dạng có thể là doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại trong nước, các công ty thương mại....

Phương thức bán hàng này chủ yếu thanh toán bằng chuyển khoản do có giá trị lớn. Khi bên mua nhận được chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

Đối với hình thức bán buôn ở công ty chủ yếu là bán buôn qua kho.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

✚ **Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, lệnh chuyển có

- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

TK 511" Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

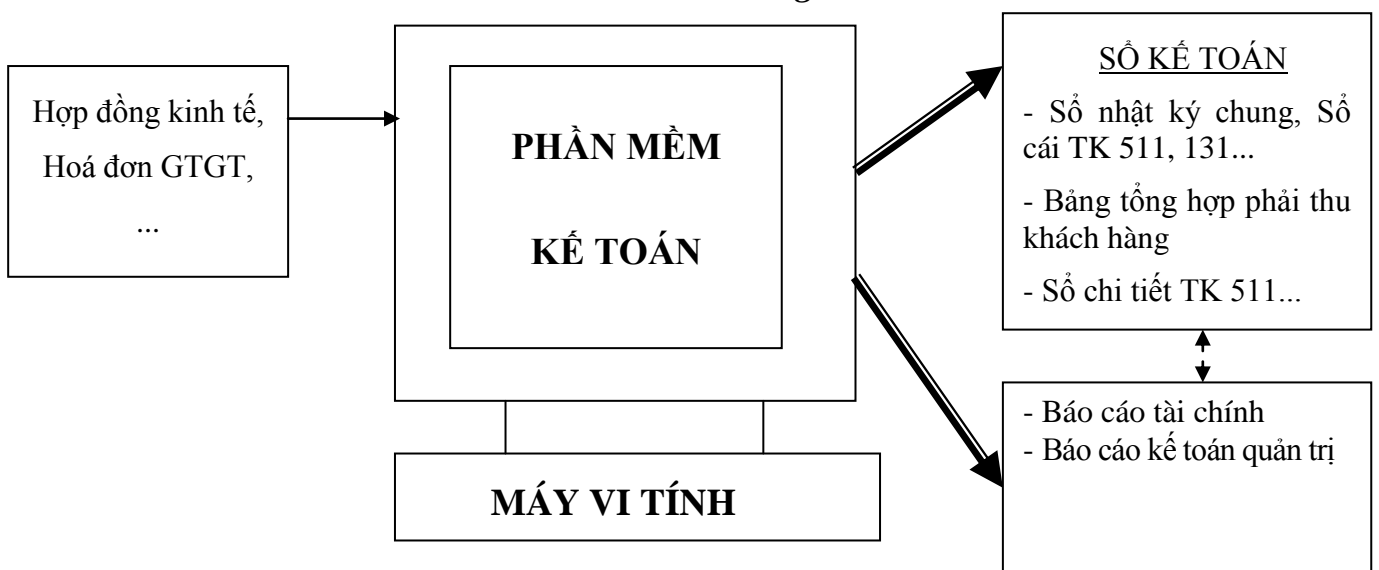
➤ Các tài khoản cấp 2:

+ TK 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thương mại

+ TK 5112: Doanh thu xây lắp.

Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần XD &TM Tam Long



Ghi chú: —→ Nhập số liệu hàng ngày

==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

←---> Đối chiếu, kiểm tra

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **WEEKEND ACCOUNTING**, kế toán bán hàng nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ **HÀNG HÓA → HÓA ĐƠN BÁN HÀNG → NHẤN F2** để nhập mới số liệu từ hóa đơn GTGT.

Theo trình tự được cài đặt sẵn, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu để ghi vào sổ nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan như tài khoản 511, 131,...Đồng thời từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết trên phần mềm kế toán, máy tính cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ chi tiết các tài khoản có liên quan như Sổ chi tiết tài khoản 511, 131,...

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khóa sổ trên phần mềm kế toán để lập các Báo cáo. Máy tính tự động xử lý số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và Sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ, các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ sách.

 **Ví dụ minh họa:**

- Ngày 25/07/2011 xuất bán tôn mạ màu, thép các loại cho công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh. Tổng giá trị thanh toán là 1.100.005.000(đã gồm VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào đơn đặt hàng của công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh, công ty xuất hàng và kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT số 0000021 (**Mẫu HĐ GTGT Biểu số 2.1.1**)

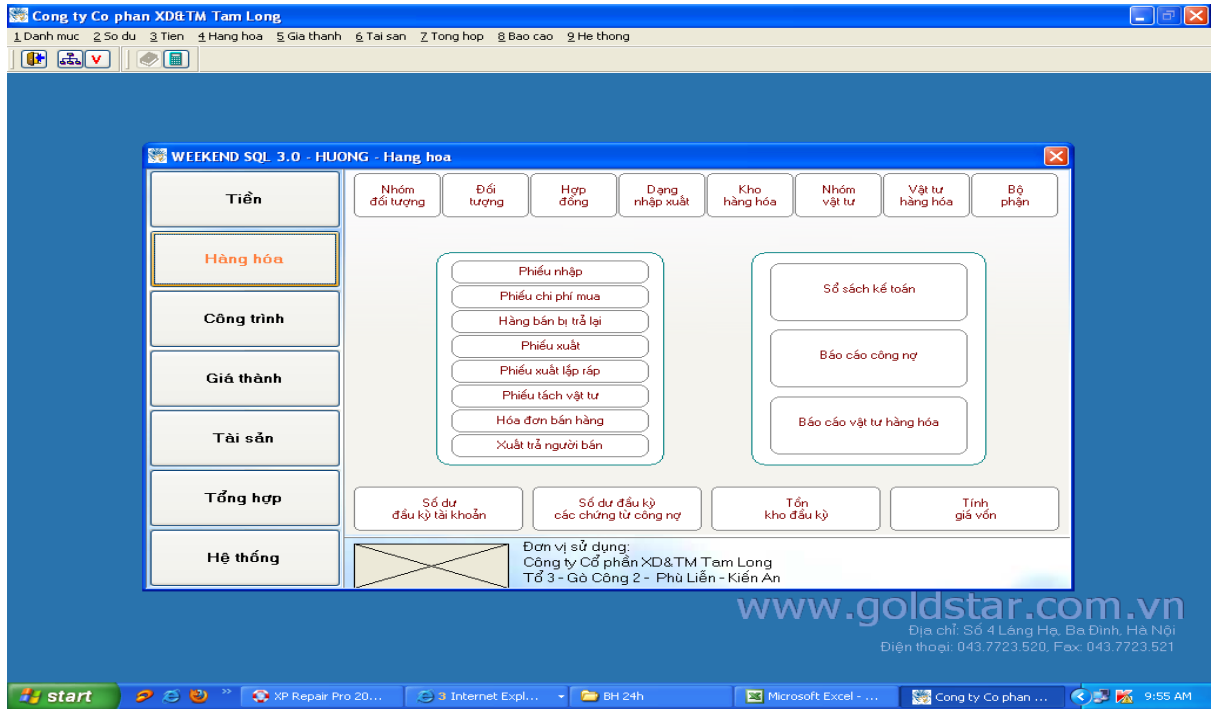
Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131:	1.100.055.000
Có TK 5111:	1.000.050.000
Có TK 33311:	100.005.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000021, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **WEEKEND ACCOUNTING**, kế toán bán hàng nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ **HÀNG HÓA → HÓA ĐƠN BÁN HÀNG → NHẤN F2** để nhập mới số liệu từ hóa đơn GTGT.

Màn hình giao diện phân hệ hàng hóa – Hóa đơn bán hàng.



Biểu số 2.1.1:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 25 tháng 07 năm 2011

Số: 0000021

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG**

Mã số thuế: **02 0071911 2**

Địa chỉ: **TỔ 3, GÒ CÔNG 1, PHƯỜNG PHÙ LIỄN, QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Điện thoại:Fax:

Số tài khoản: Tại:.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty TNHH TM Cơ khí Trọng Minh**

Mã số thuế: **02 0076154 8**

Địa chỉ: **772 Nguyễn Văn Linh – An Đông – An Dương – Hải Phòng**

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	TÊN HÀNG HÓA DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tôn mạ màu	Kg	12.700	23.500	298.450.000
2	Thép tấm các loại	Kg	31.250	16.000	500.000.000
3	Thép hình các loại	Kg	19.200	10.500	201.600.000
<i>Cộng tiền hàng:.....</i>					1.000.050.000
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT:.....</i>		100.005.000
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:.....</i>					1.100.055.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Một tử một trăm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng.</i>					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào hóa đơn bán hàng, kích chọn "**chấp nhận**". Máy tính tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.1.2**). Từ Sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán tự động ghi vào Sổ cái tài khoản 511 (**Biểu số 2.1.3**), Sổ cái tài khoản 131 (**Biểu số 2.1.4**). Thông qua khai báo chi tiết được cài đặt sẵn trên phần mềm kế toán, số liệu được xử lý và ghi vào Sổ chi tiết TK 5111 (**Biểu số 2.1.5**), và sổ chi tiết TK 131 (**Biểu số 2.1.6**).

Cuối kỳ từ sổ chi tiết tài khoản 511, máy tính sẽ tự động xử lý số liệu lập thành bảng tổng hợp doanh thu (**Biểu số 2.1.7**), từ sổ chi tiết TK 131 lập thành bảng Tổng hợp phải thu khách hàng (**Biểu số 2.1.8**).

Màn hình giao diện sổ Nhật ký chung công ty CP XD&TM Tam Long.

Cong ty Co phan XD&TM Tam Long

1 Danh muc 2 So du 3 Tien 4 Hang hoa 5 Gia thanh 6 Tai san 7 Tong hop 8 Bao cao 9 He thong Table

F4 - Tim nhanh

Sổ nhật ký chung: F7-In, F3-Sua chung tu, Esc-Quay ra

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tài khoản	Ps nợ	Ps có
	//		Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125		180 019 800
PC	23/07/2	100	Nhập xi măng PCB 30			
	//		Nguyên liệu chính	1521	17 454 540	
	//		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331	1 745 454	
	//		Tiền mặt	1111		19 199 994
PC	24/07/2	107	thanh toán mua hàng			
	//		Chi phí bằng tiền khác	6428	2 349 091	
	//		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331	234 909	
	//		Tiền mặt	1111		2 584 000
PN	25/07/2	106(27/07)	Nhập kho thép hình các loại			
	//		Nguyên liệu chính	1521	204 704 775	
	//		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331	20 470 478	
	//		Phải trả cho người bán	331		225 175 253
PX	25/07/2	0000021	xuất bán tôn mạ màu, thép tấm, thép hình			
	//		Giá vốn hàng bán của hàng hoá	6321	984 591 967	
	//		Nguyên liệu chính	1521		984 591 967
HD	25/07/2	0000021	Xuất bán vật tư			
	//		Phải thu của khách hàng	131	1 100 055 000	
	//		Doanh thu bán hàng hóa	5111		1 000 050 000
	//		Thuế GTGT đầu ra	33311		100 005 000
BC	26/07/2	54	Thu tiền hàng			
	//		Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	100 000 000	
	//		Phải thu của khách hàng	131		100 000 000
BN	26/07/2	183	Trả tiền hàng			
	//		Phải trả cho người bán	331	28 947 092	
	//		Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	27 500	
	//		Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125		28 974 592
PC	26/07/2	125	Nhập LPG trong bình			
	//		Vật liệu phụ	1522	18 031 000	
	//		Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1331	1 803 100	
	//		Tiền mặt	1111		19 834 100
PC	26/07/2	30	Nộp tiền vào tài khoản			
	//		Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	29 000 000	
	//		Tiền mặt	1111		29 000 000
PN	27/07/2	105	Nhập kho thép tam			
	//		Nguyên liệu chính	1521	310 346 085	

T_ctmp (c:\temp\wkdsq\10.tmp\thuet\34184959\reports\l_ctmp.dbf) Record: 2080/3610 Exclusive NUM

Biểu số 2.1.2: Trích sổ Nhật ký chung công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3- Gò Công 2- Phù Liễn – Kiến An – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
BC	06/04	26	Bộ tham mưu QK3 ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	120.000.000	
			Phải thu khách hàng	131		120.000.000
			
BC	21/04	28	Bộ tham mưu QK3 ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	40.488.000	
			Phải thu khách hàng	131		40.488.000
					
HD	10/07	0000018	Xuất bán vật tư			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		14.589.818
			
HD	25/07	0000021	Xuất bán vật tư			
			Phải thu khách hàng	131	1.100.055.000	
			Doanh thu bán hàng hóa	5111		1.000.050.000
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		100.005.000
			
BC	29/07	101	Công ty TNHH TM Trọng Minh thanh toán tiền hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	1.000.000.000	
			Phải thu khách hàng	131		1.000.000.000

			Tổng cộng SPS		229.815.716.389	229.815.716.389

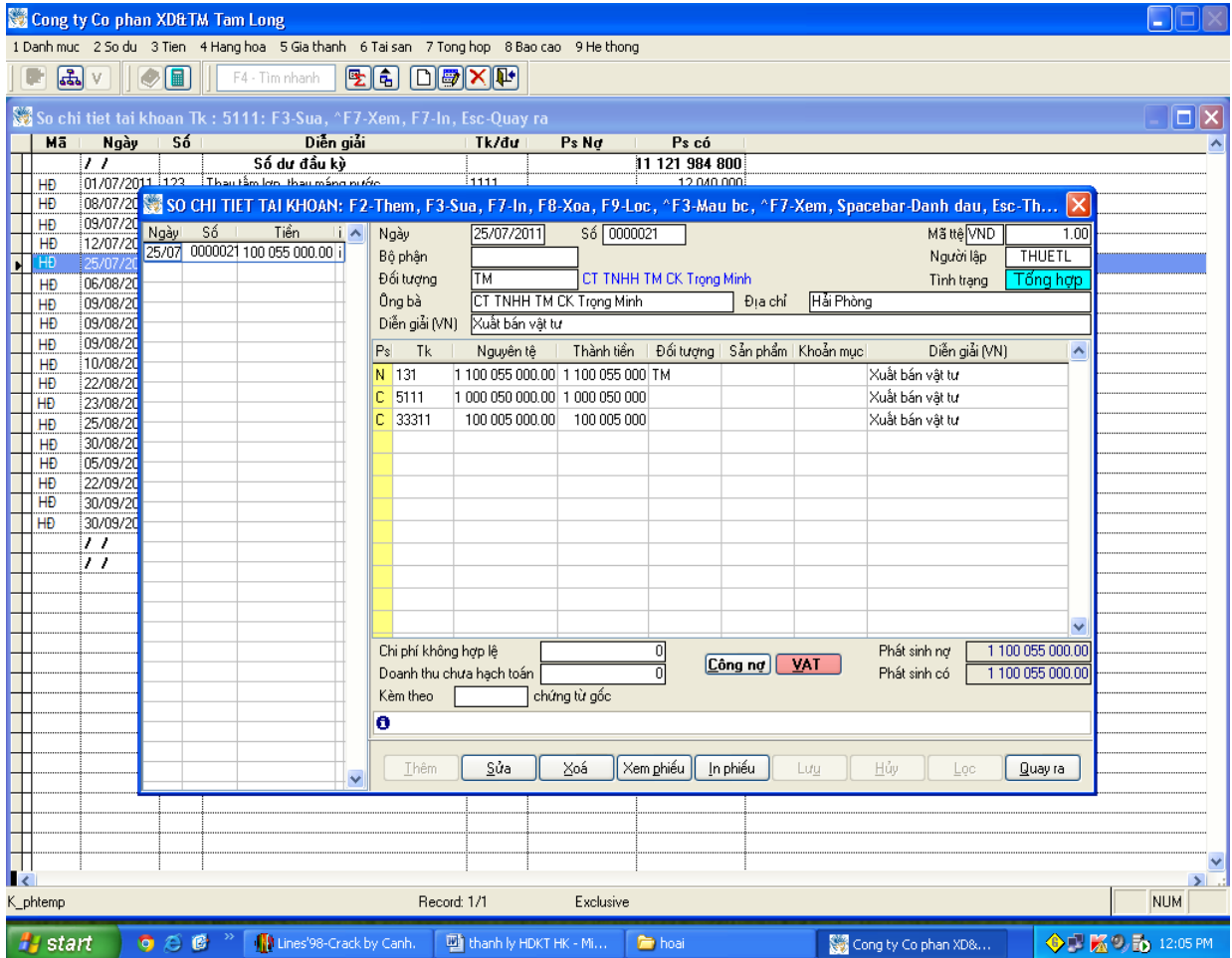
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Màn hình giao diện sổ chi tiết TK 5111-TM công ty CPXD&TM Tam Long.



(Để in, xem sổ chi tiết tài khoản, kế toán chọn **BÁO CÁO SỔ SÁCH** theo hình thức nhật ký chung, chọn ngày hạch toán, màn hình xuất hiện giao diện xem sổ sách kế toán, kích chọn sổ chi tiết, nhập tên tài khoản 5111, nhấn nút **THỰC HIỆN**)

Biểu số 2.1.3: Trích sổ cái tài khoản 511 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
HĐ	03/02	0000013	Xuất bán xi măng cho công ty xây dựng Thiên Thuận Tường			
			Tiền gửi ngân hàng	1122		135.000.000
		
HĐ	12/07	0000020	Xuất bán thép, que hàn, Oxy cho Bộ tham mưu Quân khu 3			
			Phải thu khách hàng	131		145.898.182
HĐ	25/07	0000021	Xuất bán vật tư cho Cty TNHH TM CK Trọng Minh.			
			Phải thu khách hàng	131		1.000.050.000
....
HĐ	12/10	0000070	Xuất vật tư cho Cty xây dựng Nam Thành – Hải Dương			
			Tiền gửi ngân hàng	112		146.788.800
....
HĐ	05/11	0000091	Hoàn thành công trình nhà giới thiệu sản phẩm Tiên Long-Hung Yên			
			Phải thu khách hàng	131		296.780.600
PKT	31/12	100	Kết chuyển doanh thu bán hàng			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	56.765.325.689	
			Tổng số phát sinh		56.765.325.689	56.765.325.689

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.4: Trích số cái tài khoản 131 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liên- Kiến An- HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 131 – Phải thu khách hàng
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Dư nợ đầu kỳ: **3.642.131.154**

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
BC	06/04	26	Bộ tham mưu quân khu 3 ứng tiền hàng			
			Tiền gửi ngân hàng	1125		120.000.000
BC	21/04	28	Bộ tham mưu quân khu 3 ứng tiền hàng			
			Tiền gửi ngân hàng	1125		40.488.000
		
HĐ	12/07	0000020	Xuất bán vật tư			
			Doanh thu bán hàng	5111	145.898.182	
			Thuế GTGT phải nộp	33311	14.598.818	
HĐ	25/07	0000021	Xuất bán vật tư			
			Doanh thu bán hàng hóa	5111	1.000.050.000	
			Thuế GTGT phải nộp	33311	100.005.000	
		
BC	29/07	101	Cty TNHH TM CK Trọng Minh thanh toán tiền hàng			
			Tiền gửi ngân hàng	1125		1.000.000.000
...
HĐ	13/08	0000031	Xuất vật tư cho cửa hàng vật liệu xây dựng Thanh Mai			
			Doanh thu bán hàng hóa	511	198.769.300	
			Thuế GTGT phải nộp	33311	19.876.930	
...
			Cộng số phát sinh		38.882.662.840	40.375.640.000

Dư nợ cuối kỳ: **2.149.153.994**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.5: Trích sổ chi tiết TK 5111 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thương mại
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
HD	03/02	0000013	Xuất bán xi măng cho công ty xây dựng Thiên Thuận Tường			
			Tiền gửi ngân hàng	1121		135.000.000
		
HD	12/07	0000020	Xuất bán thép, que hàn, Oxy cho Bộ tham mưu Quân khu 3			
			Phải thu khách hàng	131		145.898.182
HD	25/07	0000021	Xuất bán tôn mạ màu, thép các loại cho Cty TNHH TM CK Trọng Minh.			
			Phải thu khách hàng	131		1.000.050.000
		
HD	08/11	0000124	Xuất bán đá granite đen ánh tím cho Cửa hàng VLXD Hưng Long			
			Phải thu khách hàng	131		34.080.000
....
HD	12/12	0000011	Xuất bán vật tư cho Đa Khoa Quốc Tế HP			
			Tiền gửi ngân hàng	1125		198.320.100
....
HD	31/12	100	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	51.184.267.320	
			Tổng số phát sinh		51.184.267.320	51.184.267.320

Số dư cuối kỳ :0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.6: Sổ chi tiết tài khoản 131 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Số hiệu: 131 Mã: TRM

Tên TK: Phải thu khách hàng công ty TNHH TM CK Trọng Minh.

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
HĐ	25/07	0000021	Cty TNHH TM CK Trọng Minh.			
			Doanh thu bán hàng	5111	1.000.050.000	
			Thuế GTGT phải nộp	33311	100.005.000	
BC	29/07	101	Cty TNHH TM CK Trọng Minh thanh toán tiền hàng			
			Tiền gửi ngân hàng	1125		1.000.000.000
			Tổng số phát sinh		1.100.055.000	1.000.000.000

Số dư cuối kỳ: 100.055.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.7: Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 511 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
 Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

STT	Số hiệu tài khoản	Diễn giải	Số phát sinh	
			Nợ	Có
1	5111	Thương mại	51.184.267.320	51.184.267.320
2	5112	Xây lắp	6.581.058.360	5.581.058.360
		Tổng số phát sinh	56.765.325.689	56.765.325.689

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.1.8: Sổ tổng hợp tài khoản 131 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG

Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liên- Kiến An- HP.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG.

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Mã	Tên đối tượng	Dư nợ đầu	Dư có đầu	Ps nợ	Ps có	Dư nợ cuối	Dư có cuối
BDCPT	Cty cổ phần tư vấn và ĐTXD Bạch Đằng Capital	1.757.480.171		2.162.006.862	1.744.440.000	2.175.047.033	
CPXD15	Cty CP XD số 15	–	–	313.750.000	300.000.000	13.750.000	
PTM	Phòng tham mưu Quân khu 3	–	–	160.488.000	160.488.000		
TRM	Cty TNHH TM CK Trọng Minh	–	–	1.100.055.000	1.000.000.000	100.055.000	

	Tổng cộng	4.303.243.154	661.112.000	38.882.662.840	40.375.640.000	2.979.603.994	830.450.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

2.2.2.1. Phương pháp tính giá hàng xuất kho.

Giá vốn hàng bán của công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập đối với mỗi một loại hàng hóa, việc tính giá này được phần mềm kế toán cập nhật liên tục, chương trình sẽ tự động nhập vào các sổ sách có liên quan.

$$\text{Đơn giá bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng của vật tư tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho} = \text{Số lượng vật tư xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân liên hoàn}$$

Ví dụ: Ngày 25/07/2011 xuất bán tôn mạ màu cho công ty TNHH TM Cơ khí Trọng Minh. Số lượng tôn mạ màu tồn kho tính đến ngày 25/07/2011 là 42.600 kg, trị giá tôn mạ màu tồn kho là 931.363.800 đồng.

Theo công thức tính trên có:

$$\text{Đơn giá tôn mạ màu xuất kho} = \frac{931.363.800}{42.600} = 21.863 \text{ (đ/kg)}$$

$$\text{Trị giá vốn của tôn mạ màu xuất kho} = 21.863 * 12.700 = 277.660.100 \text{ (đồng)}$$

2.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 632 " Giá vốn hàng bán"**

Các tài khoản cấp 2:

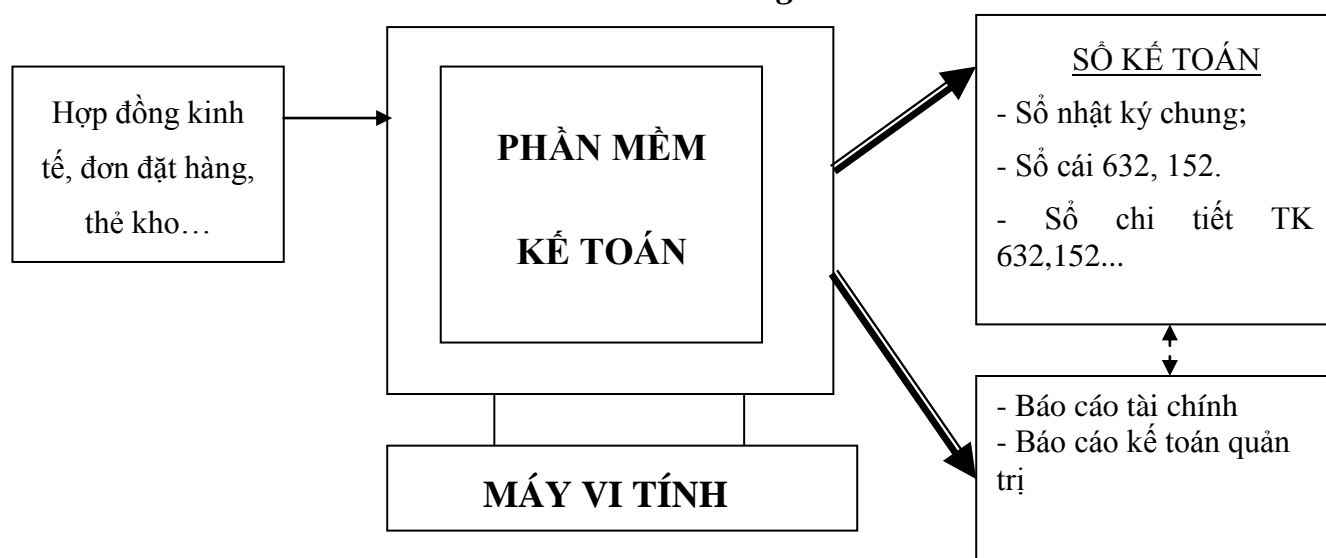
- TK 6321: Giá vốn hàng bán thương mại
- TK6322: Giá vốn hàng bán công trình xây lắp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho(Mẫu 02-VT)
- Thẻ kho
- Và các chứng từ liên quan khác.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn bán hàng tại Công ty Cổ phần XD &TM Tam Long



- Ghi chú:**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Từ chứng từ hóa đơn mua vật tư về nhập kho, kế toán tiến hành nhập dữ liệu thông qua phân hệ *HÀNG HÓA* → *PHIẾU NHẬP*. Phần mềm kế toán sẽ tự động tính giá vốn hàng hóa khi có yêu cầu xuất vật tư.

Sau khi phần mềm “**chấp nhận**” dữ liệu kế toán vừa nhập tại phân hệ *HÀNG HÓA* → *HÓA ĐƠN BÁN HÀNG*, màn hình phần mềm kế toán sẽ xuất hiện *BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT*, đồng thời máy tính cũng tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 632, 152,... Các chứng từ gốc thông qua khai báo trên phần mềm cũng tự động xử lý số liệu ghi vào Sổ chi tiết các tài khoản như TK 632, 152...

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khóa sổ trên máy tính để lập báo cáo. Máy tính sẽ tự động xử lý số liệu từ Sổ cái để

lập bảng cân đối số phát sinh, và Sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp chi tiết, và sau đó theo chương trình được cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ kế toán.

❖ **Ví dụ minh họa:** (Ví dụ phần 2.2.1.2)

Ngày 25/07/2011 xuất bán tôn mạ màu, thép các loại cho công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh. Tổng giá trị thanh toán là 1.100.005.000(đã gồm VAT 10%). Công ty TNHH Thương mại cơ khí Trọng Minh chưa thanh toán tiền hàng.

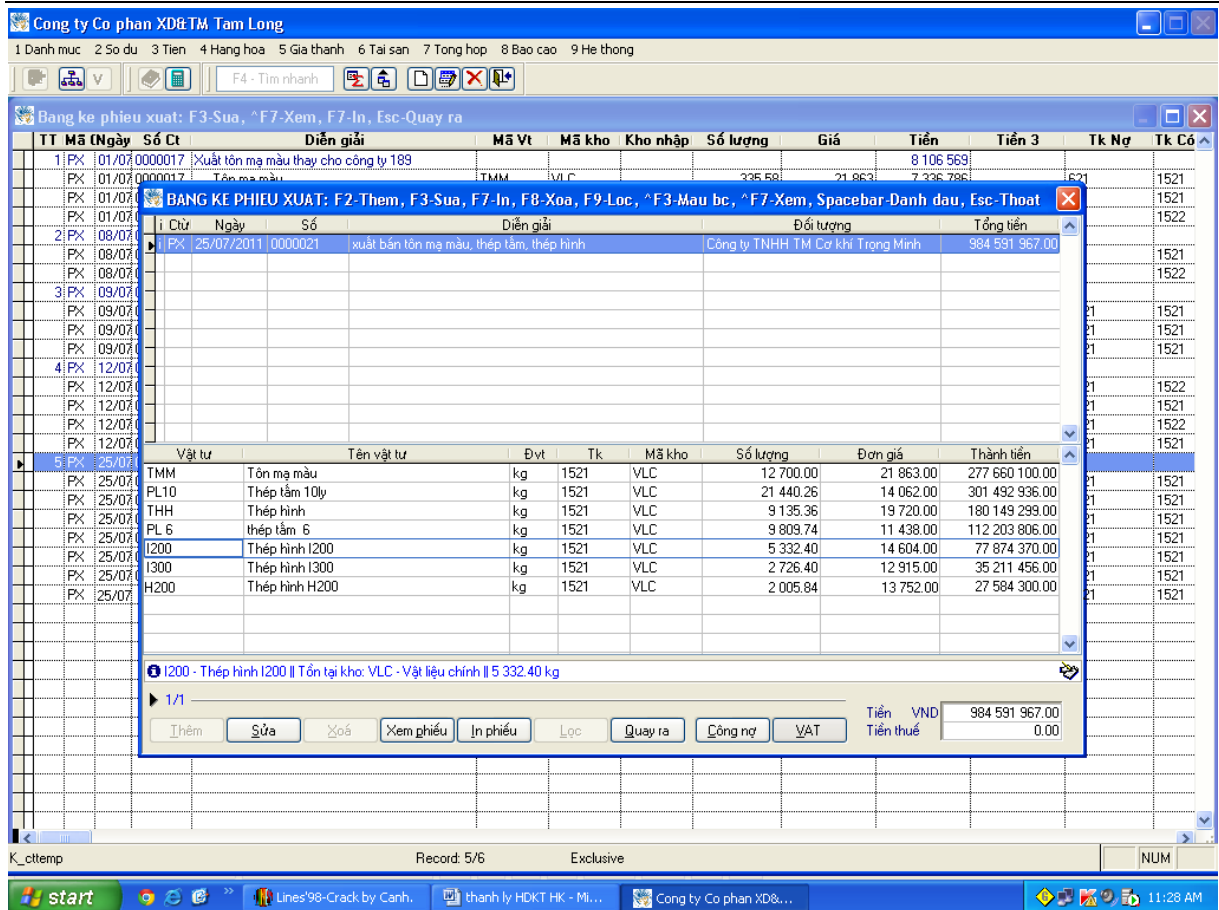
Căn cứ vào đơn đặt hàng của công ty TNHH thương mại cơ khí Trọng Minh, kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT số 0000021. Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000021, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **WEEKEND ACCOUNTING**, kế toán bán hàng nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ **HÀNG HÓA → HÓA ĐƠN BÁN HÀNG → NHẤN F2** để nhập mới số liệu từ hóa đơn GTGT.

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào hóa đơn bán hàng, kích chọn "**chấp nhận**".

Sau khi máy tính "**chấp nhận**" dữ liệu vừa nhập, màn hình xuất hiện cửa sổ **BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT**, kế toán chọn phiếu xuất 000021(**Biểu số 2.2.1**). Đồng thời máy tính tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.2.2**). Từ Sổ Nhật ký chung thông qua khai báo chi tiết phần mềm tự động ghi vào Sổ cái TK 632 (**Biểu số 2.2.3**), và ghi vào Sổ chi tiết các tài khoản như TK 632 (**Biểu số 2.2.4**). Cuối kỳ, máy tính tự động xử lý số liệu để lập Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản như TK 632 (**Biểu số 2.2.5**).

Màn hình giao diện bảng kê phiếu xuất



(Để in, xem phiếu xuất, tại giao diện **BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT**, kế toán chọn phiếu xuất cần in, nhấn nút **“in phiếu”**, máy tính tự động in ra phiếu xuất giống Biểu số 9).

Biểu số 2.2.1

Số: 0000021

PHIẾU XUẤT KHO Nợ: 6321 984 591 967
 Ngày 25 tháng 7 năm 2011 Có: 1521 984 591 967

- **Họ tên người nhận hàng:** Vũ Kim Cúc
- **Địa chỉ:** Công ty TNHH TM CK Trọng Minh
- **Lý do xuất:** Xuất bán vật tư
- **Xuất tại kho:** Vật tư

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (Sản phẩm hàng hóa)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Tôn mạ màu	TMM	Kg	12.700	12.700	21.863	277.660.100
2	Thép tấm 10ly	PL10	Kg	21.440,26	21.440,26	14.062	301.492.936
3	Thép hình	THH	Kg	9.135,36	9.135,36	19.720	180.149.299
4	Thép tấm sáu	PL6	Kg	9.809,74	9.809,74	11.438	112.203.806
5	Thép hình I200	I200	Kg	5.332,40	5.332,40	14.604	77.874.370
6	Thép hình I300	I300	Kg	2.726,4	2.726,4	12.915	35.211.456
7	Thép hình H200	H200	Kg	2.005,84	2.005,84	13.752	27.584.300
	Cộng tiền hàng						984.591.967

- **Tổng số tiền (bằng chữ):** *Chín trăm tám mươi tư triệu năm trăm chín một nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng.*
- **Số chứng từ gốc kèm theo:**

Ngày 25 tháng 07 năm 2011

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.2: Trích sổ nhật ký chung công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3- Gò Công 2- Phù Liễn – Kiến An – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
BC	06/04	26	Bộ tham mưu QK3 ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	120.000.000	
			Ứng trước	131		120.000.000
					
BC	21/04	28	Bộ tham mưu QK3 ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	40.488.000	
			Ứng trước	131		40.488.000
					
HD	12/07	0000020	Xuất bán vật tư			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán vật tư	5111		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		14.589.818
PX	12/07	0000020	Xuất bán xà gỗ, thép hình, que hàn			
			Giá vốn hàng bán	6321	122.936.365	
			Nguyên vật liệu chính	1521		119.184.700
			Nguyên vật liệu phụ	1522		3.751.665
					
HD	25/07	0000021	Xuất bán vật tư			
			Phải thu khách hàng	131	1.100.005.000	
			Doanh thu bán hàng	5111		1.000.050.000
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		100.005.000
PX	25/07	0000021	Xuất bán tôn mạ màu, thép hình, thép tấm các loại			
			Giá vốn hàng bán	6321	984.591.967	
			Nguyên vật liệu chính	1521		984.591.967
					
BC	29/07	56	Công ty TNHH TM Trọng Minh thanh toán tiền hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	1.000.000.000	
			Phải thu khách hàng	131		1.000.000.000

			Tổng cộng SPS		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.3: Trích sổ cái giá vốn hàng bán công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liên- Kiến An- HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			
PX	02/02	0000012	Xuất bán thép hình, khung thép chịu lực			
			Nguyên vật liệu chính	1521	143.578.400	
			
PX	12/07	0000020	Xuất bán xà gỗ, thép hình, que hàn			
			Nguyên vật liệu chính	1521	119.184.700	
			Nguyên vật liệu phụ	1522	3.751.665	
PX	25/07	0000021	Xuất bán tôn mạ màu, thép hình, thép tấm các loại			
			Nguyên vật liệu chính	1521	984.591.967	
.....
PX	28/10	0000082	Xuất bán que hàn, thuốc hàn, sơn chống rỉ HP			
			Nguyên vật liệu phụ	1522	97.325.512	
			
PX	03/11	0000095	Xuất bán đá granite đen nâu ánh tím			
			Nguyên vật liệu chính	1521	170.873.400	
....
PKT	31/12	100	Kết chuyển giá vốn hàng bán			
			Xác định kết quả kinh doanh	9111		49.204.142.705
			Cộng số phát sinh		49.204.142.705	49.204.142.705

Số dư cuối kỳ :0
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.4: Trích sổ chi tiết TK 6321 công ty CP XD&TM Tam Long

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6321 – Giá vốn bán hàng thương mại
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK d/u	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
PX	03/02	0000012	Xuất bán đá xanh, gạch chỉ đỏ Gò Công			
			Nguyên vật liệu chính	1521	123.743.800	
					
PX	12/07	0000020	Xuất bán vật tư xà gô, thép hình, que hàn			
			Nguyên vật liệu chính	1521	119.184.700	
			Nguyên vật liệu phụ	1522	3.751.665	
PX	25/07	0000021	Xuất bán vật tư tôn mạ màu, thép tấm, thép hình các loại			
			Nguyên vật liệu chính	1521	984.591.967	
					
PX	08/10	0000069	Xuất bán sơn Akali, sơn chống thấm, sơn phủ màu, gạch Block			
			Nguyên vật liệu chính	1522	217.356.122	
....
PX	03/11	0000095	Xuất bán đá granite đen nâu ánh tím			
			Nguyên vật liệu chính	1521	170.873.400	
			
PKT	31/12	100	Kết chuyển giá vốn hàng bán thương mại			
			Xác định kết quả kinh doanh	9111		25.372.455.167
			Tổng số phát sinh		25.372.455.167	25.372.455.167

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.2.5: Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

STT	Số hiệu tài khoản	Diễn giải	Số phát sinh	
			Nợ	Có
1	6321	Thương mại	42.607.904.925	42.607.904.925
2	6322	Xây lắp	6.596.237.780	6.596.237.780
		Tổng số phát sinh	49.204.142.705	49.204.142.705

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3.1. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty là những chi phí liên quan đến từng hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về lương nhân viên quản lý, các khoản BHXH, BHYT, BHTN, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác....

❖ **Tài khoản sử dụng**

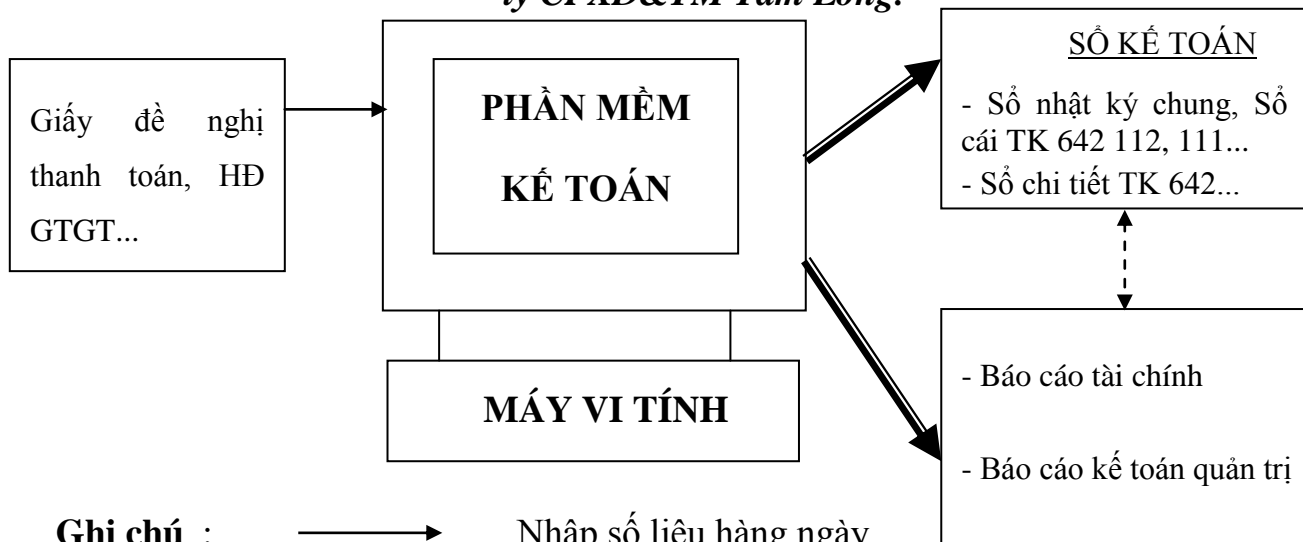
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Và các tài khoản khác có liên quan như: TK 111; TK 112...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương, các khoản trích theo lương: BHXH, BHTN, BHYT
- Bảng phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, hóa đơn GTGT
- Cách chứng từ khác có liên quan.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty CPXD&TM Tam Long.



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- <-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Từ các chứng từ kế toán như Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng.... kế toán nhập dữ liệu định khoản vào phần mềm thông qua phân hệ *TIỀN* hoặc *TỔNG HỢP*, phần mềm kế toán theo trình tự cài đặt sẵn sẽ tự động xử lý số liệu ghi vào Sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào

Sổ cái các tài khoản liên quan như TK 642. Đồng thời từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết cũng tự động ghi số liệu vào Sổ chi tiết các tài khoản có liên quan như Sổ chi tiết TK 642.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khóa sổ trên phần mềm để lập báo cáo. Phần mềm kế toán tự động xử lý số liệu từ Sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh và sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết và sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ kế toán.

Ví dụ: Ngày 08/08/2011 thanh toán tiền sử dụng dịch vụ của VNPT tháng 7/2011, trị giá thanh toán là 1.271.636 (đã gồm VAT 10%) đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông (GTGT) của VNPT (**Biểu số 2.3.1**) và các chứng từ có liên quan kế toán hạch toán vào phần mềm *WEEKEND ACCOUNTING* theo các bước: Từ màn hình Window, kích chọn biểu tượng phần mềm, kế toán nhập tên và mật khẩu của người dùng, vào phân hệ *TIỀN → PHIẾU CHI* để lập phiếu chi số 115 (**Biểu số 2.3.2**) theo định khoản sau:

Nợ TK 6428:	1.156.033
TK 1331:	115.603
Có TK 1111:	1.271.636

Sau đó nhấn nút “**lưu**”. Phần mềm tự động nhập xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.3.3**), từ sổ nhật ký chung, phần mềm kế toán tiếp tục xử lý số liệu ghi vào Sổ cái các tài khoản như TK 642 (**Biểu số 2.3.4**) và các sổ cái có liên quan.

Biểu số 2.3.1:

		HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)		Mẫu số: 01GTKT2/001	
		TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu : AA/11P	
		Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)		Số: 0378489	
Mã số thuế: 0200287977-022					
Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng- TT Dịch vụ khách hàng.					
Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải phòng					
Tên khách hàng (Customer 's name): Công ty CP XD&TM Tam Long.					
Địa chỉ (Address): Tổ 3- Gò Công 2-Phù Liễn- Kiến An- Hải Phòng					
Số ĐT:.....Fax: 0313.762.500. Mã số (Code): HPG-02-225042					
Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK			MST: 0200719112		
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Kỳ cước tháng 07/2011				
	a.Cước dịch vụ viễn thông				1 156 033
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu				0
	d.Khuyến mãi				0
	e.Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					1 156 033
Thuế suất GTGT(VAT rate): 10% x (1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					115.603
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán(Grand total) (1+2):					1.271.636
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu hai trăm bảy một nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.					
Người nộp tiền ký			Ngày 08 tháng 08 năm 2011 Nhân viên giao dịch ký		

Màn hình giao diện xem phiếu chi số 115- thanh toán tiền dịch vụ VNPT

The screenshot displays a software window titled "Cong ty Co phan XD&TM Tam Long". The main window shows a list of transactions with columns for date, account number, description, debit/credit, and balance. A modal window titled "SO QUY TIEN MAT: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, ^F3-Mau bc, ^F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat" is open, showing details for receipt number 115 dated 08/08/2011. The receipt is for "Thanh toán cước viễn thông VNPT" (VNPT telecommunication services payment). The modal window includes fields for date, amount (1,271,636.00), recipient (Chi Duyen), and address. It also features a table of journal entries (Ps, Tk, Nguyên tệ, Thành tiền, Đối tượng, Sản phẩm, Khoản mục, Diễn giải (VN)) and buttons for "Công nợ" (Debit/Credit) and "VAT".

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	6428	1 156 033.00	1 156 033			CTP	Thanh toán cước viễn thông VNPT
N	1331	115 603.00	115 603				Thanh toán cước viễn thông VNPT
C	1111	1 271 636.00	1 271 636				Thanh toán cước viễn thông VNPT

Biểu số 2.3.3: Trích sổ nhật ký chung công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3- Gò Công 2- Phù Liễn – Kiến An – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh		
					Nợ	Có	
		
BC	21/04	28	Bộ tham mưu QK3 ứng trước tiền mua hàng				
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	40.488.000		
			Ứng trước	131			40.488.000
				
HD	12/07	0000020	Xuất bán vật tư cho Bộ tham mưu QK3				
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000		
			Doanh thu bán vật tư	5111			145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311			14.589.818
PX	12/07	0000020	Xuất xà gỗ, thép hình, que hàn các loại				
			Giá vốn hàng bán	6321	122.936.365		
			Nguyên vật liệu chính	1521			119.184.700
			Nguyên vật liệu phụ	1522			3.751.665
				
PC	08/08	115	Thanh toán tiền cước viên thông tháng 07/2011				
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	6428	1.156.033		
			Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	1331	115.603		
			Tiền mặt	1111			1.271.636
				
PKT	31/12	100	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp				
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	1.770.336.480		
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	642			1.770.336.480

			Tổng cộng SPS		229.815.716.389		229.815.716.389

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3.4: Trích sổ cái TK 642 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG

Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
					Nợ	Có
			
PC	04/05	46	Chi tiếp đãi khách			
			Tiền mặt	1111	3.450.000	
....	
PC	08/08	115	Thanh toán tiền cước viễn thông VNPT tháng 07/2011			
			Tiền mặt	1111	1.156.033	
....	
BN	17/09	211	Phí chuyển tiền			
			Tiền gửi ngân hàng	1121	41.362	
....	
PC	12/10	132	Chi mua văn phòng phẩm			
			Tiền mặt	1111	424.500	
					
PKT	30/12	90	Trích khấu hao TSCĐ tháng 12			
			Hao mòn TSCĐ	2141	432.777.177	
		
PKT	31/12	100	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			
			Xác định kết quả kinh doanh	911		1.770.336.480
			Cộng số phát sinh		1.770.336.480	1.770.336.480

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.**2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty CP XD&TM Tam Long chỉ bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK1111 – Tiền mặt VNĐ

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo lãi
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Chi phí hoạt động tài chính tại công ty CP XD&TM Tam Long là các khoản trả tiền lãi vay trong quá trình hoạt động, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 635 – Chi phí tài chính
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 111 – Tiền mặt

Và các tài khoản khác có liên quan.

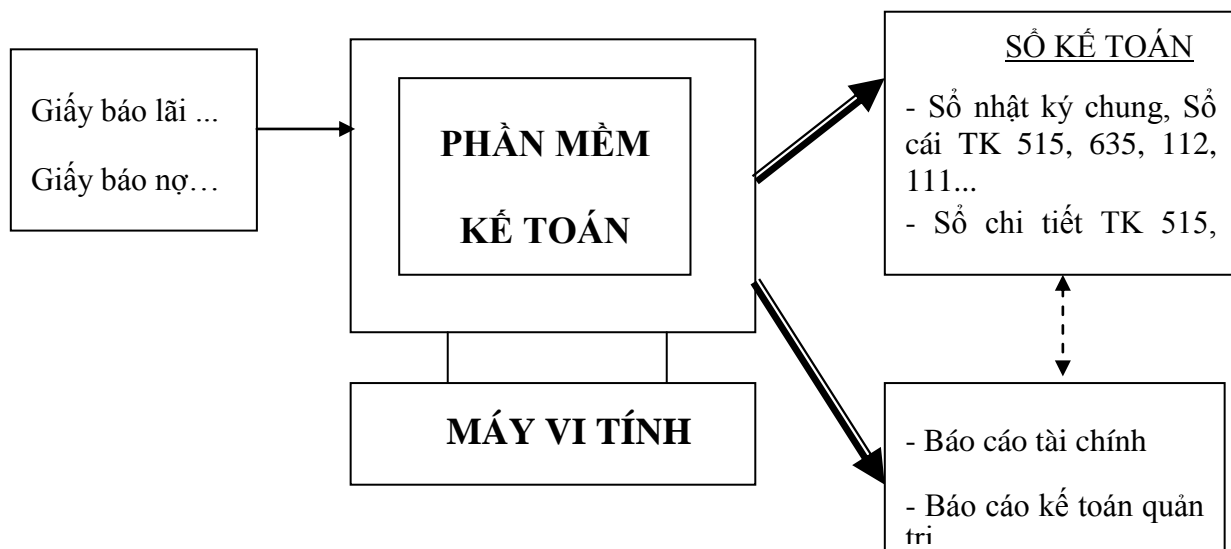
❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi

- Giấy báo nợ
Và các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán doanh thu – chi phí hoạt động tài chính tại Công ty CP XD&TM Tam Long.



- Ghi chú :**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
 - <-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Nhận được giấy báo có, báo nợ của ngân hàng, kế toán vào phân hệ *TIỀN* → *BÁO CÓ* hoặc → *BÁO NỢ*, kế toán tiến hành nhập định khoản kế toán vào phần mềm. Theo chương trình được cài đặt sẵn, máy tính tự động xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung thông tin sẽ được ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 515, 635... Đồng thời từ các chứng từ gốc thông qua khai báo chi tiết, phần mềm cũng tự xử lý số liệu ghi vào Sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối kỳ (hoặc bất cứ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các bút toán khóa sổ trên máy tính để lập các Báo cáo. Máy tính tự động xử lý số liệu trên các sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh và sổ chi tiết để lập Bảng tổng hợp chi tiết, sau đó theo chương trình cài đặt sẵn, số liệu được xử lý để lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ các sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết sẽ được in đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về ghi chép và lưu trữ sổ kế toán.

Ví dụ: 1. Ngày 01/07/2011 công ty nhận được phiếu báo có tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Techcombank tháng 06/2011 số tiền 4.212.896 đồng.

Căn cứ vào *PHIẾU BÁO CÓ (Biểu số 2.4.1)* kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán thông qua phân hệ *TIỀN → BÁO CÓ* theo định khoản sau:

Nợ TK 1125: 4.212.896

Có TK 5154: 4.212.896

2. Ngày 28/07/2011 công ty nhận được phiếu báo nợ tiền lãi vay ngân hàng Techcombank tháng 07/2011 số tiền là 17.542.936 đồng.

Căn cứ vào *PHIẾU BÁO NỢ (Biểu số 2.4.2)* kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán thông qua phân hệ *TIỀN → BÁO NỢ* theo định khoản sau:

Nợ TK 6354: 17.542.936

Có TK 1125: 17.542.936

Sau khi nhập định khoản nhấn nút “**lưu**” phần mềm kế toán sẽ tự động xử lý số liệu và ghi vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.4.3**). Từ sổ Nhật ký chung, phần mềm kế toán theo chương trình cài đặt sẵn tiếp tục xử lý số liệu ghi vào Sổ Cái tài khoản 515 (**Biểu số 2.4.5**), Sổ Cái tài khoản 635 (**Biểu số 2.4.6**) và các Sổ Cái có liên quan.

Biểu số 2.4.1:

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM

Chi nhánh: KAN – TCB KIẾN AN

MST: 0100230800-004

159160681058270.01001

TECHCOMBANK <>

Mẫu số: 01GTKT2/004

Ký hiệu: AA/11T

Số:

145 Trang 1/1

PHIẾU BÁO CÁO

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2 – Giao khách hàng

Ngày 01 tháng 07 năm 2011

Tên khách hàng: CT CP XD&TM TAM LONG

Địa chỉ: TO 3 GO CONG 1 PHU LIEN KIEN AN HP

Mã số thuế: 0200716112

Số ID khách hàng: 21266666

Số tài khoản: **109.21266666.01.9**

Loại tiền : **VND**

Loại TK : TIEN GUI THANH TOAN

Số bút hạch toán: FT11210A01002941\XNV

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lai tien gui tiet kiem	4.212.896
Tổng số tiền	4.212.896

Số tiền bằng chữ : **Bốn triệu hai trăm mười hai nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng.**

Trích yếu : Lai tien gui tiet kiem.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK – KA

Biểu số 2.4.2:

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
 Chi nhánh: KAN – TCB KIẾN AN
 MST: 0100230800-004
 159150837880453.01001

TECHCOMBANK <>

Mẫu số: 01GTKT2/003
 Ký hiệu: AA/11T
 Số:

186 Trang 1/1

PHIẾU BÁO NỢ

(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)

Liên 2 – Giao khách hàng

Ngày 28 tháng 07 năm 2011

Tên khách hàng: CT CP XD&TM TAM LONG
 Địa chỉ: TO 3 GO CONG 1 PHU LIEN KIEN AN HP
 Mã số thuế: 0200716112
 Số ID khách hàng: 21266666

Số tài khoản: **109.21266666.01.9**
 Loại tiền : **VND**
 Loại TK : TIEN GUI THANH TOAN
 Số bút hạch toán: LD1111800348;0
 Số kế ước: 348

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Thu no lai (LD –IN)	17.542.936
Tổng số tiền	17.542.936

Số tiền bằng chữ : **Mười bảy triệu năm trăm bốn hai nghìn chín trăm ba sáu đồng.**
 Trích yếu : Thu no lai (LD – IN).

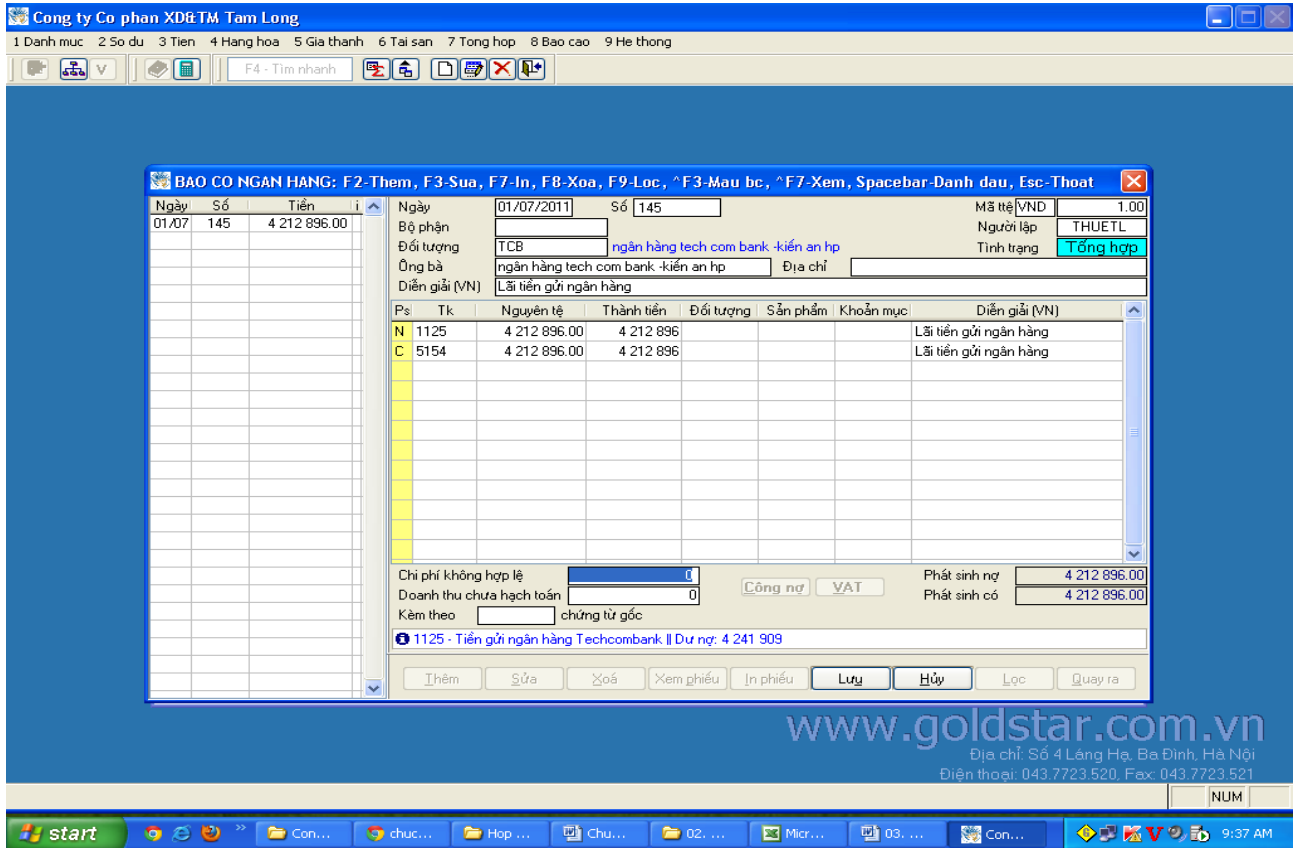
Lập phiếu

Kiểm soát

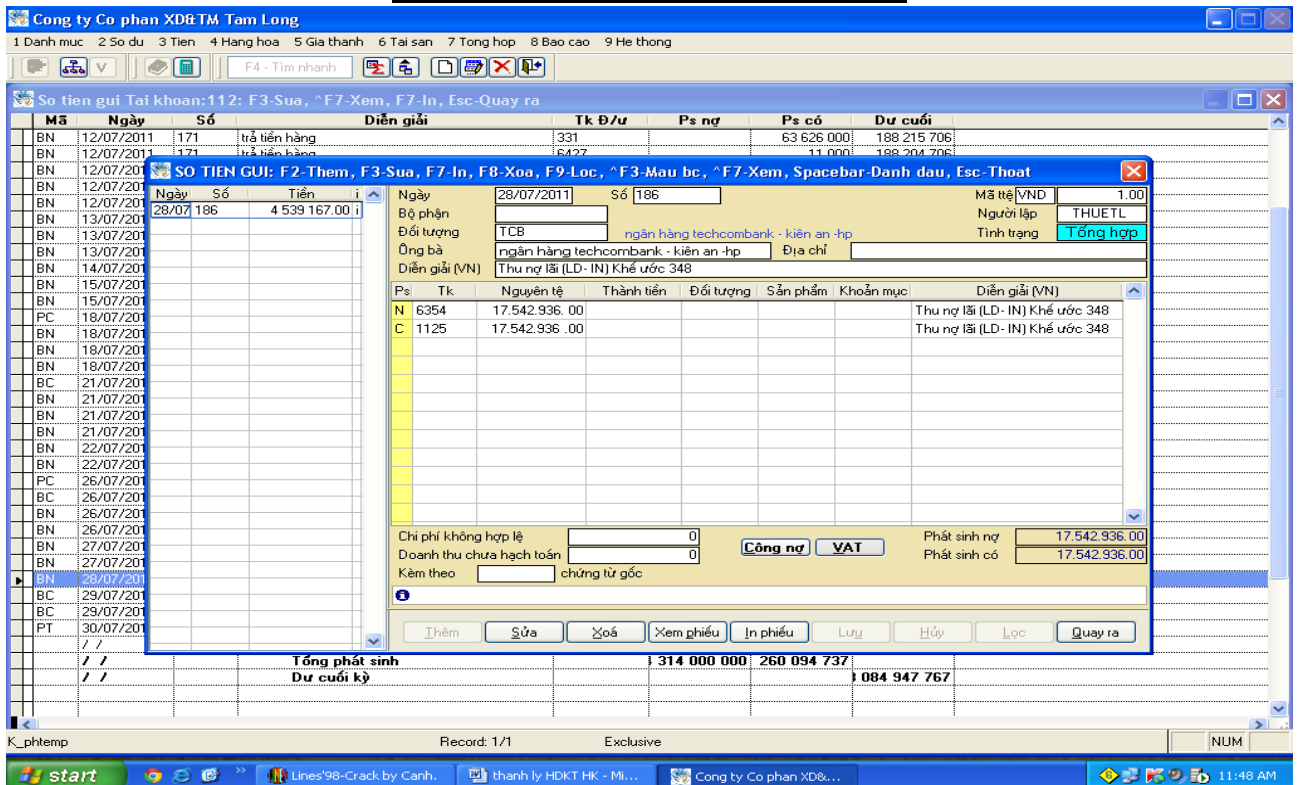
Kế toán trưởng

TECHCOMBANK – KA

Màn hình giao diện xem báo có tiền gửi ngân hàng Techcombank công ty CP XD&TM Tam Long



Màn hình giao diện xem báo nợ thu tiền lãi vay ngân hàng Techcombank công ty CP XD&TM Tam Long.



Biểu số 2.4.3: Trích sổ nhật ký chung công ty CP XD&TM Tam Long.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
					Nợ	Có
.....
BC	21/04	28	Bộ tham mưu QK3 ứng trước tiền mua hàng			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	40.488.000	
			Ứng trước	131		40.488.000
			
HD	12/07	0000020	Xuất bán vật tư			
			Phải thu khách hàng	131	160.488.000	
			Doanh thu bán vật tư	5111		145.898.182
			Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		14.589.818
PX	12/07	0000020	Xuất xà gỗ, thép tấm, que hàn			
			Giá vốn hàng bán	6321	122.936.365	
			Nguyên vật liệu chính	1521		119.184.700
			Nguyên vật liệu phụ	1522		3.751.665
			
BC	01/07	145	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 06/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	4.212.896	
			Thu nhập lãi tiền gửi	5154		4.212.896
			
BN	28/07	186	Chi phí lãi vay tháng 07/2011			
			Chi phí lãi tiền vay	6354	17.542.936	
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125		17.542.936
		
			Tổng cộng SPS		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4.4: Trích sổ cái TK 515 công ty CP XD&TM Tam Long

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
 Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK d/r	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
BC	01/02	021	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 01/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Vietinbank	1121		1.423.133
		
BC	01/07	145	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 06/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125		4.212.896
		
BC	01/11	211	Lãi tiền gửi tiết kiệm tháng 10/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	1122		1.375.233
		
PKT	31/12	100	Kết chuyển doanh thu tài chính			
			Xác định kết quả kinh doanh	911	350.773.760	
			Cộng số phát sinh		350.773.760	350.773.760

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4.5: Trích sổ cái TK 635 công ty CP XD & TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liên- Kiến An- HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
.....
BN	02/03	23	Chi phí lãi vay tháng 02/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Agribank	1121	7.845.100	
.....
BN	28/05	67	Chi phí lãi vay tháng 05/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Vietinbank	1122	355.288	
BN	28/05	68	Chi phí lãi vay tháng 05/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	17.542.936	
.....
BN	28/07	186	Chi phí lãi vay tháng 07/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	17.542.936	
.....
BN	28/11	191	Chi phí lãi tiền vay tháng 11/2011			
			Tiền gửi ngân hàng Techcombank	1125	17.542.936	
.....
PKT	31/12	100	Kết chuyển chi phí tài chính			
			Xác định kết quả kinh doanh	9112		1.114.213.336
			Cộng số phát sinh		1.114.213.336	1.114.213.336

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
 - Các TK cấp 2:
 - + TK 9111: Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh
 - + TK 9112: Kết quả từ hoạt động tài chính
 - + TK 9113: Kết quả từ hoạt động thu nhập khác
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
 - Các TK cấp 2:
 - + TK 4211: Lãi năm trước
 - + TK 4212: Lãi năm nay
- TK 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành
 - TK cấp 2:
 - + TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

❖ **Nguyên tắc hạch toán:**

Cuối năm, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có của TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ TK 911.

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên có TK 911 => Doanh nghiệp lỗ thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên nợ TK 421.

Nợ TK 421

Có TK 911

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có TK 911 => Doanh nghiệp lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước như sau:

$$\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} = \text{SPS Có TK 911} - \text{SPS Nợ TK 911}$$

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} * \text{Thuế suất thuế TNDN.}$$

Hiện tại theo quy định của luật thuế TNDN/2008 thì thuế suất thuế TNDN là 25%

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} - \text{Thuế TNDN}$$

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận trước thuế để kết chuyển sang bên Có TK 421.

Nợ TK 911

Có TK 421

- Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 bằng tổng số phát sinh bên có TK 911 => Doanh nghiệp hòa vốn.

Tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng năm. Cuối năm, kế toán tổng hợp vào phân hệ kế toán *TỔNG HỢP* → *BÚT TOÁN KHÓA SỐ* kết chuyển tổng số phát sinh trong năm bằng cách nhấn dấu “*CÁCH TRỐNG*” đánh dấu các TK từ loại 5 đến loại 9 → Nhấn *F10* để máy tính thực hiện kết chuyển tự động, cập nhật số liệu vào các sổ sách có liên quan.

Sau khi phần mềm tự động cập nhật số liệu, tại phân hệ *TỔNG HỢP* kế toán chọn *BÁO CÁO SỔ SÁCH* theo hình thức nhật ký chung → *BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*. Kế toán lấy số liệu ở chỉ tiêu “ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” để tính số thuế TNDN bằng cách thủ công mà doanh nghiệp phải nộp nếu chỉ tiêu này “>0”. Còn nếu chỉ tiêu này “<0” hoặc “=0” phần mềm tự động cập nhật vào báo cáo tài chính.

- ✓ Cách tính chi phí thuế TNDN hiện hành:

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Hiện nay công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 25%

- ✓ Cách tính lợi nhuận sau thuế TNDN:

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

Sau khi tính ra số thuế TNDN phải nộp trong năm, kế toán vào phân hệ *TỔNG HỢP* → *PHIẾU KHÁC* để thực hiện kết chuyển tài khoản 8211 → TK 3334, TK 8211 → TK 9111, và TK 9111 → 4211.

Ví dụ: Ngày 31/12/2011 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2011. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 56.765.325.689
- Giá vốn hàng bán: 49.204.142.705
- Doanh thu hoạt động tài chính: 350.773.760
- Chi phí tài chính: 1.114.213.336
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 1.770.336.480

<i>Kết quả</i>	<i>Doanh thu</i>		<i>Doanh</i>	<i>Chi phí</i>	<i>Chi phí</i>				
<i>kinh</i>	=	<i>BH &</i>	-	<i>Giá vốn</i>	+ <i>thu</i>	-	<i>tài</i>	-	<i>BH,</i>
<i>doanh</i>		<i>CCDV</i>		<i>HĐTC</i>			<i>chính</i>		<i>QLDN</i>

Kết quả kinh doanh = 56.765.325.689 – 49.204.142.705 + 350.773.760 – 1.114.213.336 – 1.770.336.480 = 5.027.406.928 > 0 => Doanh nghiệp lãi

Thuế TNDN phải nộp = 5.027.406.928 * 25% = 1.256.851.732 (Đã tạm nộp Quý I, II, III là 1.091.886.415, còn phải nộp Quý IV là 164.965.317)

Lãi sau thuế chưa phân phối = 5.027.406.928 – 1.256.851.732 = 3.770.555.196.

Sau khi tính ra số thuế TNDN phải nộp kế toán vào phân hệ *TỔNG HỢP* → *PHIẾU KHÁC* để lập phiếu kế toán kết chuyển thuế TNDN và lãi sau thuế TNDN (**Biểu số 2.5.1**)

Nhấn nút “**lưu**” để phần mềm cập nhập xử lý số liệu để ghi vào Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.5.2**), từ sổ nhật ký chung, phần mềm tiếp tục ghi vào Sổ Cái TK 911 (**Biểu số 2.5.3**), Sổ Cái TK 821 (**Biểu số 2.5.4**), và các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, phần mềm theo chương trình cài đặt sẵn số liệu tự động được xử lý để lập Báo Cáo kết quả kinh doanh (**Biểu số 2.5.5**).

Biểu số 2.5.1: Phiếu kế toán công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011 **Số 100**

STT	Diễn giải	TK ghi Nợ	TK ghi Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	9111	56.765.325.689
2	Kết chuyển giá vốn hàng bán	9111	6321	49.204.142.705
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	9111	642	1.770.336.480
4	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	5154	9112	350.773.760
5	Kết chuyển chi phí tài chính	9112	6354	1.114.213.336
6	Xác định thuế TNDN hiện hành	8211	3334	1.256.851.732
7	Kết chuyển thuế TNDN hiện hành	9113	8211	1.256.851.732
8	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	9113	4211	3.770.555.196

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5.2: Trích sổ nhật ký chung công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XD&TM TAM LONG

Tổ 3- Gò Công 2- Phù Liễn – Kiến An – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK	Số phát sinh	
					Nợ	Có
		
PKT	31/12	100	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	56.765.325.689	
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		56.765.325.689
PKT	31/12	100	Kết chuyển giá vốn hàng bán			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	49.204.142.705	
			Giá vốn hàng bán	632		49.204.142.705
PKT	31/12	100	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	1.770.336.480	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		1.770.336.480
PKT	31/12	100	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính			
			Doanh thu hoạt động tài chính	5154	350.773.760	
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		350.773.760
PKT	31/12	100	Kết chuyển chi phí tài chính			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	1.114.213.336	
			Chi phí tài chính	6354		1.114.213.336
PKT	31/12	100	Xác định thuế TNDN hiện hành			
			Chi phí thuế TNDN	8211	164.965.317	
			Thuế TNDN phải nộp	3334		164.965.317
PKT	31/12	100	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9113	1.256.851.732	
			Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211		1.256.851.732
PKT	31/12	100	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9113	3.770.555.196	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4211		3.770.555.196
		
			Tổng cộng SPS		229.815.716.389	229.815.716.389

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5.3: Trích sổ cái TK 911 công ty CP XD&TM Tam Long

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
 Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911 – Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
 Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
PKT	31/12	100	Kết chuyển			
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		56.765.325.689
PKT	31/12	100	Kết chuyển			
			Giá vốn hàng bán	632	49.204.142.705	
PKT	31/12	100	Kết chuyển			
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.770.336.480	
PKT	31/12	100	Kết chuyển			
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		350.773.760
PKT	31/12	100	Kết chuyển			
			Chi phí tài chính	635	1.114.213.336	
PKT	31/12	100	Kết chuyển			
			Chi phí thuế TNDN	8211	1.256.851.732	
PKT	31/12	100	Kết chuyển			
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4211	3.770.555.196	
			Cộng số phát sinh		57.116.099.449	57.116.099.449

Số dư cuối kỳ :0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5.4: Trích sổ cái TK 8211 công ty CP XD&TM Tam Long.

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG
Tổ 3 – Gò Công 2- Phù Liễn- Kiến An- HP.

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành
 Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
					Nợ	Có
PKT	31/03	29	Thuế TNDN tạm tính Quý I			
			Thuế TNDN phải nộp	3334	520.370.415	
PKT	30/06	58	Thuế TNDN tạm tính Quý II			
			Thuế TNDN phải nộp	3334	357.623.300	
PKT	30/09	88	Thuế TNDN tạm tính Quý III			
			Thuế TNDN phải nộp	3334	213.892.700	
PKT	31/12	100	Xác định số thuế TNDN còn phải nộp Quý IV			
			Thuế TNDN phải nộp	3334	164.965.317	
			Kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh	9113		1.256.851.732
			Cộng số phát sinh		1.256.851.732	1.256.851.732

Số dư cuối kỳ :0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5.5: Báo cáo kết quả kinh doanh công ty CP XD&TM Tam Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Mã số thuế:

0200719112

Người nộp thuế:

Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	56.765.325.689	65.394.081.680
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		56.765.325.689	65.394.081.680
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	49.204.142.705	55.457.926.450
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.561.182.984	9.936.155.230
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	350.773.760	552.603.724
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	1.114.213.336	1.117.118.445
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.114.213.336	1.117.118.445
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.770.336.480	1.208.946.726
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		5.027.406.928	8.162.693.738
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32			
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.027.406.928	8.162.693.738
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	1.256.851.732	2.040.673.446
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.770.555.196	6.122.020.292
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI TAM LONG.

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Về ưu điểm

3.1.1.1. Tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy tổ chức kế toán của công ty tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhiệm chức năng riêng của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo được sự chuyên môn hóa của mỗi kế toán viên cũng như tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được năng lực làm việc của bản thân.

- Về nhân sự, bộ máy kế toán gồm bảy người: một kế toán trưởng và sáu kế toán bộ phận, phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Hơn nữa, đội ngũ kế toán có chuyên môn và kinh nghiệm làm việc nhiều năm (trình độ kế toán tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán thực hiện chính xác và kịp thời.

- Thông tin kế toán phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi và dễ dàng, đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ *Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :*

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính.

❖ *Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp:

- Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho hai loại doanh thu như doanh thu bán hàng thương mại và doanh thu về hoạt động xây lắp.

- Tương ứng với sổ chi tiết về doanh thu là các sổ chi tiết về giá vốn như: giá vốn hàng bán thương mại và giá vốn hoạt động xây lắp.

❖ *Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty*

+ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

+ **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn sau mỗi lần nhập là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối mỗi tháng hoặc quý, năm kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Vì thế, kết quả về hoạt động kinh doanh của công ty sẽ luôn được cung cấp một cách chính xác và kịp thời. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi

việc này giúp nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty để đề ra chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

3.1.1.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán WEEKEND ACCOUNTING do công ty Cổ phần GOLDSTAR cung cấp. Phần mềm kế toán WEEKEND có nhiều tính năng ưu việt, sử dụng dễ dàng và khai thác chương trình hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long còn bộc lộ những hạn chế như sau:

3.1.2.1. Về việc khai thác và sử dụng phần mềm kế toán.

Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long đã ứng dụng Công nghệ thông tin vào công việc kế toán bằng cách sử dụng phần mềm kế toán WEEKEND ACCOUNTING làm cho công việc kế toán đơn giản gọn nhẹ hơn nhưng Công ty lại chưa tận dụng khai thác hết những thế mạnh của phần mềm như chưa hỗ trợ khai báo chi tiết tài khoản kế toán đặc biệt là tài khoản doanh thu, chi phí, bảng chấm công, tính lương vẫn phải thực hiện thủ công tính tay bên ngoài phần mềm làm cho việc theo dõi tính toán kết quả hoạt động kinh doanh cho từng mặt hàng vẫn còn tồn nhiều thời gian và công sức.

3.1.2.2. Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.

- ✓ *Tài khoản hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và tài khoản hạch toán giá vốn hàng bán.*

Hiện nay công ty đã mở tài khoản chi tiết đến cấp 2 để theo dõi doanh thu bán hàng cũng như giá vốn của hàng hóa dịch vụ thương mại và công trình xây lắp:

Tài khoản doanh thu sử dụng: TK 511

Chi tiết tài khoản cấp 2 :

+ TK 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thương mại

+ TK 5112: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ xây lắp.

Tài khoản giá vốn sử dụng: TK 632

Chi tiết tài khoản cấp 2:

+ TK 6321: Giá vốn hàng bán thương mại

+ TK 6322: Giá vốn công trình xây lắp

Với đặc thù là một doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và thương mại bao gồm nhiều mặt hàng, nhưng công ty chỉ sử dụng TK đến cấp 2 mà không mở rộng chi tiết đến các TK cấp 3 hay 4 làm cho việc theo dõi xuất nhập cũng như hạch toán doanh thu, giá vốn chi tiết cho từng loại mặt hàng gặp nhiều khó khăn.

- ✓ *Tài khoản hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long sử dụng **tài khoản 642** để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp theo như quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên công ty chưa tiến hành khai báo chi tiết theo đối tượng chi phí như: chi phí tiền lương nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý, thuế, phí, lệ phí và các chi phí bằng tiền khác v.v... ảnh hưởng đến việc theo dõi hạch toán chi tiết kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng chưa rõ ràng, cũng chưa tiết kiệm được chi phí hiệu quả.

3.1.2.3. Về việc theo dõi kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng.

Hiện nay, tại công ty Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh làm cho việc theo dõi chính xác kết quả của từng mặt hàng còn gặp

phải một số khó khăn, làm cho công tác quản trị không sát thực, chưa thực sự giúp doanh nghiệp có những hướng phát triển đúng.

3.1.2.4. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không thực hiện chính sách chiết khấu cho khách hàng thanh toán sớm so với thời hạn ghi trên hợp đồng hay đặt tiền hàng trước sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.2.5. Về việc trích lập các khoản dự phòng.

Việc trích lập các khoản dự phòng đồng nghĩa với việc dự kiến trước các tổn thất, để khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra, công ty có nguồn kinh phí xử lý kịp thời những rủi ro này, hoạt động kinh doanh sẽ không phải chịu ảnh hưởng nặng nề, không phải chịu những tổn thất không đáng có. Tuy nhiên hiện tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long chưa chú trọng đến công tác trích lập dự phòng này.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Nước ta đang trong quá trình đổi mới, quá trình cạnh tranh càng khốc liệt, bất kể doanh nghiệp nào cũng mong muốn tìm kiếm lợi nhuận cao nhất. Các nhà quản lý phải sang suốt hơn trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh, và kế toán là một công cụ không thể thiếu trong việc đưa ra các quyết định kinh tế tài chính, nhất là Kế toán kết quả kinh doanh. Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trước tiên là vì lợi ích và hiệu quả của chính bản thân doanh nghiệp. Sau đó là vì lợi ích và hiệu quả quản lý của nhà nước.

Trong công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, kế toán kết quả kinh doanh là phân hành kế toán kế thừa nhiều kết quả của các phân hành kế toán khác, do đó việc hoàn thiện nó phải mang tính toàn diện, tổng thể. Việc hoàn thiện này có ý nghĩa rất lớn. Đối với công tác kế toán thì hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh góp phần nâng cao tính hài hòa, chặt chẽ giữa các phân hành kế toán trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, do đó tiết kiệm được thời gian, chi phí, cũng như nguồn lực con người. Bất kỳ một nhà quản lý nào đều mong muốn có được nguồn thông tin chính xác, kịp thời để đưa ra quyết định chính xác nhất, và nguồn thông tin kế toán luôn được quan tâm hàng đầu, như vậy hoàn thiện kế toán kết quả kinh doanh cũng là tăng cường hiệu quả quản lý, tăng hiệu quả kinh doanh.

Vì vậy công tác hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đòi hỏi doanh nghiệp luôn có ý thức trong việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện tích cực phù hợp với sự biến động của nền kinh tế thị trường.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng về nhu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông tư, nghị định của Nhà nước. Việc tổ chức công tác kế toán ở mỗi đơn vị cụ thể được phép vận dụng và cải biến sao cho phù hợp với tình hình của từng đơn vị, không dập khuôn máy móc nhưng cũng chỉ được sáng tạo trong chừng mực nhất định.

- Hoàn thiện phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo từng ngành nghề, lĩnh vực, quy mô mà doanh nghiệp lựa chọn theo chế độ, quyết định phù hợp với mình. Khi áp dụng phù hợp, công tác kế toán sẽ trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. Hoàn thiện công tác

kế toán chính vì mục tiêu cuối cùng là nhằm giảm bớt sự phức tạp, giảm bớt khối lượng công việc kế toán nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc trưng của doanh nghiệp đặc biệt là phù hợp với trình độ và năng lực của đội ngũ các bộ nhân viên phòng kế toán.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng thông tin một cách kịp thời, chính xác, góp phần làm tăng tính hiệu quả cho công tác quản lý doanh nghiệp. Đặc biệt là các thông tin kế toán nội bộ càng chính xác, kịp thời thì các quyết định quản trị càng khả thi và giúp cho doanh nghiệp bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Thông tin kế toán có được sau khi đã hoàn thiện phải tốt hơn, chuẩn hơn, đầy đủ hơn so với trước.

- Hoàn thiện phải đảm bảo tính khả thi dựa trên nguyên tắc tiết kiệm mà hiệu quả. Tiết kiệm là làm sao để chi phí bỏ ra là thấp mà hiệu quả thu được là cao thì khi đó việc hoàn thiện mới thực sự có kết quả tốt. Ngược lại, để hoàn thiện công tác kế toán mà chi phí bỏ ra quá lớn trong khi đó lợi ích thu lại không đủ bù đắp được thì cũng không khả thi.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở nắm vững và tìm hiểu tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã học được, nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà công ty còn tồn tại vấn đề hạn chế và nếu khắc phục được thì phần hành kế toán của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Vì vậy bài khóa luận của em xin được đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.

✓ Kiến nghị 1: Về việc khai thác sử dụng phần mềm kế toán.

Để công việc kế toán được chi tiết, cụ thể hơn đối với từng phần hành kế toán thì kế toán tại đơn vị nên khai thác những thế mạnh của phần mềm kế toán WEEKEND ACCOUNTING như là việc mở các tài khoản cấp 3 hay 4 hoặc mở các sổ chi tiết tiện cho công việc theo dõi đối chiếu, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh. Muốn tận dụng tối ưu những ưu điểm của phần mềm kế toán như vậy thì

phòng kế toán nên cử nhân viên theo các lớp đào tạo phần mềm kế toán chuyên sâu, hoặc công ty đầu tư thuê chuyên gia về hướng dẫn thêm cho kế toán. Qua đó giúp cho kế toán vận dụng vào công tác xác định chính xác kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng.

✓ **Kiến nghị 2: Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán.**

➤ *Tài khoản hạch toán nguyên vật liệu, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và tài khoản hạch toán giá vốn hàng bán.*

Để tiện cho việc theo dõi, kế toán có thể phân loại hàng hóa thành một số nhóm hàng nhất định với từng đặc tính cụ thể như: đá, xi măng, sắt, thép, cửa nhựa...; phân loại dịch vụ cung cấp thành một số nhóm như sau: giao thông vận tải, san lấp mặt bằng, tư vấn thiết kế... Khi đó kế toán nên mở sổ chi tiết TK 511, TK 632 theo từng hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ. Như vậy, số lượng sổ kế toán chi tiết sẽ không quá lớn, mà việc theo dõi hàng hóa mua bán, dịch vụ cung cấp cũng sẽ thuận tiện hơn, thỏa mãn tốt yêu cầu của công tác quản lý. Đảm bảo công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng tiện lợi và chính xác hơn.

Công ty có thể mở các tài khoản chi tiết như sau:

🚦 TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

○ TK 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ về hoạt động thương mại

+ TK 51111: Doanh thu xuất bán thép hình: Trong đó:

_TK 51111-U: Doanh thu bán thép chữ U

_TK51111-I : Doanh thu bán thép chữ I

...

+ TK 51112: Doanh thu bán tôn mạ màu: Trong đó:

_TK 51112-3: Doanh thu bán tôn mạ màu dày 3 ly

...

+ TK 51113: Doanh thu bán cát

...

○ TK 5112: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ về hoạt động xây lắp.

....

Ví dụ: **Biểu số 3.1** - Doanh thu bán thép hộp chữ U.

✚ **TK 632:** Giá vốn hàng bán

○ TK 6321: Giá vốn hàng bán thương mại

+ TK 63211: Giá vốn hàng bán thép hình: Trong đó:

_ TK 63211-U: Giá vốn hàng bán thép hình chữ U

_ TK 63211-I : Giá vốn hàng bán thép hình chữ I

....

+ TK 63212: Giá vốn hàng bán tôn mạ màu

_ TK 63212-3.2L: Giá vốn hàng bán tôn mạ màu 3.2ly

.....

Ví dụ: **Biểu số 3.2** – Giá vốn theo hộp hình chữ U

➤ *Tài khoản hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

Kế toán có thể mở chi tiết cho tài khoản 642 như sau:

- *TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý:* Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT...
- *TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý:* Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ...
- *TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng:* Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp
- *TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ:* Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp
- *TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí:* Phản ánh các khoản chi phí thuế, phí, lệ phí như phí dịch vụ, phí chuyên tiền, phí tàu xe...
- *TK 6426 – Chi phí dự phòng:* Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
- *TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài:* Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp: như tiền điện, điện thoại....

- *TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách.

Cùng với việc mở các tài khoản chi tiết, vận dụng theo dõi trên phần mềm kế toán làm cho công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng chi tiết hơn, cụ thể hơn.

Ví dụ: Biểu số 3.3 – Chi phí sản xuất kinh doanh

Biểu số 3.1

CÔNG TY CP XD&TM TAM LONG
TỔ 3 – GÒ CÔNG 2 – PHÙ LIỄN – KA – HP

Mẫu số S35-DN
(Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/032006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên sản phẩm: Thép hình hộp chữ U
Năm 2011

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác
							Nợ	Có		
.....		
HĐ	06/05	0000037	Xuất bán thép hình hộp chữ U cho Cty TNHH kính cường lực Ngọc Thủy	1121	6725	16.700		112.307.000		
.....		
HĐ	12/07	0000020	Xuất bán thép hộp chữ U cho DN tư nhân Thịnh Đạt	131	8736	16.700		145.898.182		
HĐ	28/07	0000031	Xuất bán thép hộp chữ U cho cty TNHH TM CK Trọng Minh	131	12190	16.700		203.565.400		
.....		
HĐ	11/11	0000128	Xuất bán thép hộp cho Bộ Quốc Phòng QK3	131	2666	16.400		43.722.400		
.....		
			Cộng số phát sinh	X	231.714	X	5.211.478.300	5.211.478.300	X	X

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2

CÔNG TY CP XD&TM TAM LONG

TỔ 3 – GÒ CÔNG 2 – PHỦ LIỄN – KA – HP

Mẫu số S35-DN

(Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ-BT

Ngày 20/032006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 63211-U

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán thép hình hộp chữ U

Năm 2011

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TKĐƯ	Giá vốn			
					Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
.....	
PX	06/05	0000037	Xuất bán thép hình hộp chữ U cho Cty TNHH kính cường lực Ngọc Thủy	1121	6.725	14.515	97.613.375	
.....	
PX	12/07	0000020	Xuất bán thép hộp chữ U cho DN tư nhân Thịnh Đạt	131	8.736	14.515	126.803.040	
PX	28/07	0000031	Xuất bán thép hộp chữ U cho cty TNHH TM CK Trọng Minh	131	12.190	14.515	176.937.850	
.....	
PX	11/11	0000128	Xuất bán thép hộp cho Bộ Quốc Phòng QK3	131	2.666	15.785	42.082.810	
.....	
			Cộng số phát sinh	X	231.714	X	4.788.320.119	4.788.320.119

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 3.3:

CÔNG TY CP XD&TM TAM LONG
TỔ 3 – GÒ CÔNG 2 – PHỦ LIỄN – KA – HP

Mẫu số S36-DN
(Ban hành kèm theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Tổng tiền	Chia ra						
SH	NT				6421	6422	6424	6425	6428
.....
PC11	11/03	Phí chuyển tiền	1111	13.300					13.300		
.....
PKT 41	01/08	Trích KHTSCĐ tháng 08/2011	2141	19.743.778				19.743.778			
PC115	08/08	Thanh toán tiền cước viễn thông tháng 07/2011	1111	1.156.033							1.156.033
PKT 48	30/08	Tính lương trả nhân viên văn phòng tháng tháng 08/2011	334	47.365.000	47.365.000						
PKT 49	30/08	Trích BHXH tháng 08	3383	7.578.400	7.578.400						
PKT 50	30/08	Trích BHYT tháng 08	3384	1.420.950	1.420.950						
.....
		Cộng	X	1.770.336.480	868.380.270	110.367.235	125.925.336	22.214.113	212.133.428

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

✓ **Kiến nghị 3: Về việc theo dõi kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng.**

Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long nên mở sổ chi tiết theo dõi cho từng đối tượng doanh thu, để có thể đối chiếu kiểm tra một cách chính xác doanh thu tiêu thụ từng mặt hàng, từ đó có phương hướng kinh doanh cho phù hợp với nhu cầu và sự phát triển của thị trường. Dựa vào sổ chi tiết bán hàng (**Biểu số 3.1**), sổ chi tiết giá vốn hàng bán (**Biểu số 3.2**), và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (**Biểu số 3.3**) kế toán có thể xác định chính xác kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng. Riêng đối với các chi phí liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh của từng hoạt động kinh doanh được phân bổ theo tiêu thức doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí kinh} \\ \text{doanh cho từng} \\ \text{hoạt động} \end{array} = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ của từng hoạt động}}{\text{Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch}} \times \text{Tổng chi phí}$$

Ví dụ: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho mặt hàng thép hộp chữ U theo doanh thu tiêu thụ như sau:

_ Doanh thu tiêu thụ mặt hàng thép hộp chữ U : 5.211.478.300

_ Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 56.765.325.689

_ Tổng chi phí quản lý doanh nghiệp là: 1.770.336.480

Theo công thức trên có:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí QLDN cần} \\ \text{phân bổ cho mặt} \\ \text{hàng thép hộp chữ U} \end{array} = \frac{5.211.478.300}{56.765.325.689} \times 1.770.336.480 = 162.530.031$$

Biểu số 3.4

CÔNG TY CP XD&TM TAM LONG

TỔ 3 – GÒ CÔNG 2 – PHÙ LIỄN – KA – HP

SỔ THEO DÕI KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh
	(1)	(2)	(3)	(4 = 1-2-3)
TK 51111 (Thép hình)	10.358.211.180	9.352.451.385	323.040.851	682.718.944
TK 51111-U	5.211.478.300	4.788.320.119	162.530.031	260.628.150
TK 51111-I	4.211.923.816	3.869.433.584	131.356.991	211.133.241
.....
TK 51112(Tôn mạ màu)	3.256.701.899	2.581.487.060	101.566.548	573.648.291
TK 51112-3	911.184.267	862.607.904	28.417.043	20.159.320
TK 51112-4	1.560.402.300	1.112.691.778	48.664.164	339.046.358
.....
.....
Tổng cộng	56.765.325.689	49.204.142.705	1.770.336.480	5.790.846.500

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

✓ ***Kiến nghị 4 : Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng***

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là khoản tiền khách hàng được hưởng theo thỏa thuận do thanh toán trước thời hạn so với quy định của hợp đồng kinh tế nhằm thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng cho chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp

Sau khi xác định được mức trích chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua tài khoản 6351- Chi phí tài chính.

Nợ TK 6351:

Có TK 111, 112, 131...

✓ ***Kiến nghị 5: Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.***

Dự phòng phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Theo thông tư **228/2009/TT – BTC** ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

- ✓ Điều kiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

✓ Phương pháp kế toán dự phòng giảm thu khó đòi:

Công ty phải theo dõi riêng và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn phải chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

✓ Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

+ Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

+Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

+Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

✓ **Chứng từ sử dụng:** chứng từ gốc, đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:** TK 139 – “Dự phòng phải thu khó đòi”.

▪ **Kết cấu TK 139:**

Bên Nợ:

- + Hoàn nhập dự phòng giảm thu khó đòi đã lập cuối năm trước.
- + Xử lý xóa nợ các khoản phải thu khó đòi không thể đòi được.

Bên Có:

Số dự phòng nợ giảm thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có: Số dự phòng nợ giảm thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

✓ **Trình tự hạch toán:**

- Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được, tính toán mức dự phòng nợ phải thu khó đòi cần lập lần đầu.

Nợ TK 642: Số tiền trích lập dự phòng

Có TK 139: Số tiền trích lập dự phòng

- Cuối kỳ kế toán sau, nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số đã lập:

- *Cuối kỳ trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập:*

Nợ TK 139: Số tiền hoàn nhập

Có TK 642: Số tiền hoàn nhập

- *Còn nếu lớn hơn thì số chênh lệch lớn hơn sẽ phải trích lập thêm:*

Nợ TK 642: Số tiền trích lập thêm

Có TK 139: Số tiền trích lập thêm

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được sẽ được phép xóa nợ theo chính sách tài chính hiện hành:

Nợ TK 139 (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131, 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004 – “Nợ khó đòi đã xử lý”.

- Đối với các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được:

Nợ TK 111, 112... Số tiền thực tế đã thu hồi được

Có TK 711 Số tiền thực tế đã thu hồi được

Đồng thời ghi Có TK 004 – “Nợ khó đòi đã xử lý”

✓ **Sổ kế toán:** Sổ Cái TK 139

Ví dụ: Tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long trong tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 có phát sinh các khoản nợ quá hạn cho năm tiếp theo là **114.725.034** đồng, số tiền nợ không đòi được là: **15.511.609** đồng (**Biểu số 3.4**). Nhưng công ty không tiến hành trích lập dự phòng cho khoản nợ khó đòi này và xóa sổ khoản nợ không đòi được. Theo quy định của nhà nước, khoản nợ quá hạn công ty cần tính toán trích lập dự phòng theo tỷ lệ trên số tiền trích lập là: 61.322.408 đồng.

Vậy kế toán công ty sẽ trích lập cho khoản nợ quá hạn là:

Nợ TK 642: 61.322.408

Có TK 139: 61.322.408

Còn đối với các khoản nợ không đòi được của các công ty như Công ty TNHH cung ứng vật tư Sông Long, công ty đã cử nhân viên đến nhiều lần Long đã bị phá sản nên tổng các khoản nợ không đòi được sẽ được kế toán thực hiện xóa sổ:

Nợ TK 139: 15.511.609

Có TK: 131: 15.511.609

Nợ TK 004: 15.511.609

CÔNG TY CP XD&TM TAM LONG

TỔ 3 – GÒ CÔNG 2 – PHÙ LIỄN – KA – HP

Biểu số 3.4

BÁO CÁO NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã ĐT	Tên đối tượng	Số tiền	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được
VL	Công ty thương mại Vĩnh Lâm	22.010.897	3.050.643	18.960.254	-	-
ĐA	Công ty CP XD& CK Đông Á	53.415.300			53.415.300	
SL	Công ty TNHH cung ứng vật tư Sông Long	15.511.609				15.511.609
ĐĐ	Công ty XNK Đình Đô	197.383.945	67.584.327	111.275.918	18.523.700	

		2.979.603.994	1.605.148.648	1.244.218.667	114.725.034	15.511.609

Ngày 31 tháng 01 năm 2012.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

✓ **Kiến nghị 6: Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.**

Công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo hơn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong tương lai.

Dự phòng được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ vào cuối kỳ kế toán năm khi lập BCTC. Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng hàng hóa để xác định khoản dự phòng.

Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

✓ **Chứng từ sử dụng:**

- + Hóa đơn, chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng.
- + Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.
- + Bảng tổng hợp mức lập dự phòng.
- + Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Nội dung và kết cấu của TK 159:

Bên Nợ:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ

Bên Có:

Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Số dư bên Có: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

✓ **Trình tự hạch toán:**

Cuối kỳ kế toán năm, căn cứ vào những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc hàng tồn kho, tính toán mức dự phòng cần lập lần đầu, ghi:

Nợ TK 632: Số tiền trích lập dự phòng

 Có TK 159: Số tiền trích lập dự phòng.

Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này lớn hơn khoản dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn phải được trích lập thêm:

Nợ TK 632 : Số tiền trích lập thêm

Có TK 159: Số tiền trích lập thêm.

+ Nếu khoản dự phòng phải lập ở kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, ghi:

Nợ TK 159: Số tiền hoàn nhập

Có TK 632: Số tiền hoàn nhập.

✓ **Sổ kế toán:**

Sổ cái TK 159, sổ chi tiết TK 159

Như vậy, việc lập nên các khoản dự phòng sẽ giúp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ổn định, tăng độ chính xác tin cậy cho các thông tin kế toán đưa ra.

KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long đã và đang không ngừng hoàn thiện mình để ngày càng lớn mạnh và phát triển hơn nữa. Chính vì vậy mà công tác kế toán của công ty càng phải tự trú trọng những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu để nâng cao vai trò giúp ban quản trị công ty ra quyết định đúng đắn trong công tác quản lý cũng như đưa ra những phương án kinh doanh mới.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu giữa lý luận và thực tế tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long, em càng nhận thấy rõ hơn vai trò quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời nhận thấy những vấn đề còn tồn đọng trong công tác hạch toán tại đơn vị. Vì vậy với những kiến thức đã học cùng với thời gian trải nghiệm thực tế, em xin được đưa ra một số biện pháp hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long.

Tuy nhiên với trình độ còn hạn chế và lần đầu được tiếp cận thực tế công tác kế toán tại đơn vị nên không tránh khỏi những thiếu sót đối với bài viết này. Em rất mong nhận được sự quan tâm, chỉ bảo, đóng góp ý kiến nhận xét của thầy cô.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo Th.s Nguyễn Văn Thụ, cùng các anh chị trong phòng kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Tam Long đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày...tháng....năm 2012

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thu Hoài

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Võ Văn Nhị, *Kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2007
2. Nguyễn Phú Giang, *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính Hà Nội, xuất bản năm 2007
3. GS.TS Ngô Thế Chi và TS. Trương Thị Thủy, *Giáo trình kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2008
4. TS. Nguyễn Phú Giang, *Kế toán dịch vụ*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2009
5. TS. Nguyễn Tuấn Duy và TS. Nguyễn Phú Giang, *Kế toán quản trị (sách chuyên khảo)*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2008
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/BTC ngày 20/03/2006
Quyển I : *Hệ thống tài khoản kế toán*
Quyển II : *Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.*
Nhà xuất bản: Nhà xuất bản tài chính
Năm xuất bản: 2006